

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP-  
THỦY SẢN VÀ PTNT NĂM 2017; PHƯƠNG  
HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2018**

*Tuyên Quang, tháng 3 năm 2018*

Số: 71/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 3 năm 2018

## BÁO CÁO

### **Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp-thủy sản và phát triển nông thôn năm 2017; phương hướng, nhiệm vụ năm 2018.**

Trong năm qua, mặc dù thời tiết có nhiều diễn biến bất lợi cho sản xuất nông nghiệp, song được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh uỷ, chỉ đạo của UBND tỉnh, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành; các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh đã khắc phục khó khăn, sản xuất nông lâm nghiệp tiếp tục duy trì tăng trưởng khá: Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng trên 4% so với năm 2016; tổng sản lượng lương thực đạt trên 33,92 vạn tấn, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; các vùng chuyên canh tập trung tiếp tục được duy trì và mở rộng, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân. Hết năm 2017 có 23/129 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 07 xã so năm 2016.

## PHẦN THỨ NHẤT

### **Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp-thủy sản và phát triển nông thôn năm 2017**

#### **I. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

##### **1. Thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Thực hiện Chương trình công tác và một số giải pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện hoàn thành 04/05 nội dung công việc được UBND tỉnh giao trong chương trình công tác chủ yếu và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, còn 01 việc Sở đang tập trung triển khai thực hiện (*Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp*).

Ngoài ra, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 15/UBND-TH ngày 04/01/2017 về việc yêu cầu rà soát, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Qua theo dõi, Sở Nông nghiệp và PTNT được giao 32 nội dung; đã thực hiện hoàn thành 30 nội dung, còn 02 nội dung đang trong kỳ hạn tiếp tục thực hiện.

(Chi tiết các nội dung công việc có biểu số 01 và số 02 kèm theo)

## **2. Thực hiện việc trọng tâm của Sở và các việc thực hiện Thông báo số 443-TB/TU ngày 28/3/2017 của Thường trực Tỉnh ủy**

Để cụ thể hóa và triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, Sở đã giao 102 việc trọng tâm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện, kết quả đến nay có 93/102 việc đã hoàn thành, 08 việc đang tiếp tục thực hiện, 01 việc không hoàn thành kế hoạch (*Chi tiết các việc có biểu số 01 kèm theo*).

## **3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản năm 2017.**

Sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản năm 2017 chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết diễn biến bất thường, từ đầu năm đến nay thời tiết mưa nhiều trên diện rộng, xảy ra nhiều đợt lũ quét, ngập úng, gây thiệt hại về tài sản, vật nuôi và hoa màu của nhân dân; ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là chăn nuôi lợn do giá bán lợn xuống thấp. Tuy vậy, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cùng với sự thống nhất của các cấp, các thành phần kinh tế và nhân dân trong tỉnh đã kịp thời khắc phục khó khăn, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, cụ thể:

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt 7.734,2 tỷ đồng, tăng 4,1% so thực hiện năm 2016.

- Sản lượng lương thực ước cả năm 34,92 vạn tấn, đạt 100,8% kế hoạch.

- Chăn nuôi: Theo số liệu Thống kê, tổng đàn gia súc, gia cầm thời điểm 01/10/2017 là: Đàn trâu 110.646 con bằng 97,3% so năm 2016, đàn bò 33.456 con tăng 10,6%, đàn lợn 584.336 con giảm 1,9%, đàn gia cầm 5.768,5 nghìn con tăng 6,7%. Sản lượng thịt hơi tăng 6% so năm 2016.

- Sản lượng thủy sản 7.254 tấn, tăng 5,7% so với năm 2016.

- Trồng rừng 12.443 ha, đạt 105,9% KH. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 808.110 m<sup>3</sup>, tăng 28.738m<sup>3</sup> so năm 2016 và đạt 95,7%KH năm 2017. Duy trì độ che phủ của rừng trên 64%.

*(Chi tiết có biểu số 03 kèm theo)*

## **II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA VÀ TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP**

**1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa:** Thực hiện Nghị quyết chuyên đề về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025, Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng kế hoạch chi tiết phát triển 05 cây, 02 con và các chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện; đồng thời quán triệt đến toàn thể cán bộ công nhân viên chức trong toàn ngành, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc căn cứ nhiệm vụ theo lộ trình kế hoạch đề ra, xây dựng kế

hoạch cụ thể tổ chức tuyên truyền, tập huấn và tham mưu tổ chức thực hiện hoàn thành các việc để đảm bảo đạt mục tiêu nghị quyết đề ra<sup>1</sup>.

## **2. Tái cơ cấu các lĩnh vực nông nghiệp**

### **2.1. Trồng trọt**

Công tác chỉ đạo sản xuất được triển khai đồng bộ, chặt chẽ theo từng mùa vụ; các đơn vị chuyên môn phối hợp cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống, tổ chức sản xuất theo khung thời vụ tốt nhất. Thực hiện tốt công tác dự báo, hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời. Tập trung phát triển vùng chuyên canh các cây trồng chủ lực, trồng mới, trồng lại: 2.292 ha mía đạt 81,1%KH; 86 ha cam và 159,7 ha chè giống mới có năng suất, chất lượng cao; gieo cấy 5.667 ha lúa thương phẩm chất lượng cao, tăng 2.037 ha so năm 2016 (*mục tiêu đến 2020 đạt 7.000ha*); trồng 1.816,8 ha giống ngô biến đổi gen, tăng 938,8ha so năm 2016 (*mục tiêu đến 2020 đạt 3.000ha*). Chú trọng đầu tư thâm canh, năng suất các cây trồng chủ lực đều cao hơn so với năm 2016. Giá trị sản xuất trồng trọt đạt 3.994,4 tỷ đồng (*theo giá so sánh năm 2010*), tăng 3,3% so năm 2016.

### **2.2. Chăn nuôi**

Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Hướng dẫn thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi; Kiểm tra, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp xử lý môi trường trong chăn nuôi đảm bảo đúng quy định<sup>2</sup>. Tăng cường kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm<sup>3</sup>. Triển khai thực hiện công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn tỉnh. Theo dõi tình hình thực hiện các dự án chăn nuôi trên địa bàn<sup>4</sup>.

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chăn nuôi tập trung, toàn tỉnh có 09 hợp tác xã và 237 trang trại chăn nuôi. Sản lượng thịt hơi đều tăng so với năm 2016; giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt trên 2.427,5 tỷ đồng (*theo giá so sánh năm 2010*), tăng 8,6% so năm 2016.

### **2.3. Thủy sản**

<sup>1</sup> Trong năm 2017, toàn tỉnh đã tổ chức được 5.695 lớp tập huấn về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn với 273.754 lượt người tham gia.

<sup>2</sup> Đã rà soát: 6.390 hộ, cơ sở chăn nuôi, trong đó: Diện tích chuồng nuôi từ 1000m<sup>2</sup> trở lên: 23 hộ, cơ sở; diện tích từ 50 đến dưới 1000 m<sup>2</sup>: 6.367 hộ, cơ sở (*có: 5.493 hộ, cơ sở áp dụng biện pháp xử lý chất thải, gồm: 5.293 sử dụng hầm Bioga, 101 sử dụng đệm lót sinh học; 99 sử dụng men*). Có 23 hộ có kế hoạch bảo vệ môi trường; 07 cơ sở có báo cáo đánh giá tác động môi trường.

<sup>3</sup> Đã kiểm tra đánh giá và xếp loại được 606 cơ sở giết mổ, trong đó loại A: không có, loại B 602 cơ sở; loại 04 cơ sở. kiểm tra và cấp chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh Thú y cho 13 cơ sở đủ điều kiện theo quy định.

<sup>4</sup> Gồm: Dự án trang trại bò sữa kỹ thuật cao xã Mỹ Bằng, đã hoàn thành xây dựng chuồng trại chăn nuôi, trồng cỏ trên 10 ha, nhập đợt 1 với số lượng 264 con bò; Dự án trang trại chăn nuôi lợn công nghệ khép kín tại xã Lang Quán, đã nhập 200 con lợn thịt; Dự án chăn nuôi trâu thịt tập trung tại xã Hoàng Khai, đã thực hiện trồng cỏ.

Đẩy mạnh phát triển nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ. Toàn tỉnh hiện có 1.853 lồng, trong đó có 583 lồng nuôi cá đặc sản (gồm: Chiên, Bống, Lãng), chiếm 31,5% tổng số lồng nuôi hiện có, tăng 182 lồng so với năm 2016; nuôi cá lồng bè theo tiêu chuẩn VietGAP được 1.880m<sup>3</sup>, sản lượng 125,6 tấn; sản lượng cá đặc sản trên 344,65 tấn, tăng 191,65 tấn so năm 2016; sản xuất được 46,4 triệu con cá giống. Xây dựng gian hàng trưng bày sản phẩm cá đặc sản và các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh tại Hà Nội. Giá trị sản xuất thủy sản đạt trên 217,6 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tăng 0,7% so năm 2016.

#### **2.4. Lâm nghiệp**

Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; Dự án phát triển lâm nghiệp tỉnh giai đoạn 2016-2020, cụ thể: Xây dựng nhà nuôi cấy mô công suất 1,5 triệu cây/năm cho trường Đại học Tân Trào; cấp chứng chỉ rừng FSC cho các Công ty lâm nghiệp và hộ gia đình cá nhân, đến nay diện tích đã thực hiện trên địa bàn tỉnh là 16.478,5 ha, trong đó thực hiện trong năm 2017 là 515ha. Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt trên 996 tỷ đồng.

Trồng rừng 12.443 ha, đạt 105,9% KH. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 808.110 m<sup>3</sup> đạt 95,7%KH. Duy trì độ che phủ của rừng đạt 64,7%.

Tiếp tục thực hiện phương án nâng cao năng lực, trách nhiệm của lực lượng kiểm lâm để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; bố trí lực lượng và tăng cường tuần tra, bảo vệ tốt tài nguyên rừng hiện có. Năm 2017, đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 562 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng (giảm 117 vụ so với năm 2016), trong đó xử phạt hành chính 547 vụ, xử lý hình sự 15 vụ; tịch thu 468,635m<sup>3</sup> gỗ các loại (trong đó gỗ quý hiếm 57,09m<sup>3</sup>); số tiền phạt là 4,755 tỷ đồng, đã thu nộp ngân sách 3,939 tỷ đồng.

#### **3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, như: Chuyển giao, đưa vào sản xuất những giống mới có năng suất, chất lượng cao; mở rộng diện tích áp dụng những phương pháp canh tác cải tiến, phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM) cho cây trồng, sản xuất nông nghiệp theo quy trình VietGAP; sử dụng phân bón Grow More trên cây mía; kỹ thuật sản xuất và phòng trừ bệnh hại cây trồng, vật nuôi; công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; kiên cố hóa kênh mương bằng công nghệ bê tông cốt sợi thành mỏng đúc sẵn... Kết quả: Hệ thống khuyến nông đã thực hiện 133 mô hình ứng dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới, nhiều mô hình đã đánh giá, đạt hiệu quả kinh tế cao và được nông dân hưởng ứng nhân rộng ra sản xuất<sup>5</sup>; thực hiện sản xuất 9.200 con cá Chiên giống,

<sup>5</sup> Điển hình như: + Mô hình giống lúa thuần Nam Hương 4, quy mô 30 ha, thực hiện tại các xã, phường của thành phố Tuyên Quang, huyện Chiêm Hóa và huyện Yên Sơn; kết quả: Thời gian sinh trưởng 130 ngày-135 ngày. Cây cao từ 105 cm-110 cm, đẻ nhánh khỏe, hạt thon nhỏ, vỏ hạt màu vàng sẫm, gạo trong, chất lượng gạo ngon, cơm thơm, mềm, dẻo có vị đậm; năng suất bình quân đạt 63 tạ/ha.

3.000 con cá Anh vũ giống bằng phương pháp sinh sản nhân tạo; trồng 194,2 ha rừng bằng giống keo lai sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô, nâng diện tích thực hiện đến nay là 560,8 ha; Phối hợp thúc đẩy hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ FSC, trong năm cấp chứng chỉ thêm được 515 ha, nâng diện tích đã cấp toàn tỉnh lên 16.478,5 ha.

Năm 2017, các đơn vị thuộc Sở tiếp tục thực hiện 03 đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh, gồm: (1) Đề tài: Trồng thử nghiệm cây Macadamia (*Macadamia integrifolia*) trên địa bàn tỉnh; (2) Dự án: Trồng thử nghiệm một số giống chè mới có năng suất cao phù hợp với điều kiện sinh thái tỉnh Xiêng Khoảng-CHND Lào; (3). Dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tưới nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả trồng mía trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Các đề tài, dự án thực hiện đúng nội dung, phương pháp nghiên cứu và đảm bảo tiến độ đề ra.

Tiếp tục phối hợp thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng khoa học và công nghệ: Tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam; chọn lọc giống cam thu hoạch rải vụ; tuyển chọn và nhân giống cây keo có chu kỳ ngắn, sinh khối lớn, chống chịu bệnh đáp ứng nhu cầu nguyên liệu chế biến gỗ; bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vẹt Minh Hương. Nghiên cứu, xác định một số bệnh ở cá Chiên nuôi trong lồng và đề xuất các giải pháp phòng trị bệnh.

#### **4. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất**

Hướng dẫn thành lập, củng cố các Hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Năm 2017 hướng dẫn thành lập mới 58 HTX; đến 31/12/2017 toàn tỉnh có 200 HTX (*Trong đó: 27 HTX trồng trọt, 12 HTX Chăn nuôi, 02 HTX Thủy sản và 158 HTX Tổng hợp, 01 hợp tác xã Lâm nghiệp*), trong đó có 54 hợp tác xã có hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản, tăng 24 hợp tác xã so năm 2016. Tổ chức 04 lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý cho 390 cán bộ hợp tác xã. Tổng hợp đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp.

Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế trang trại. Đến 31/12/2017, toàn tỉnh có 682 trang trại (*tăng 119 trang trại so với năm 2016*), trong đó: phát triển mạnh ở 3 loại hình trang trại chính là trồng trọt, chăn nuôi và trang trại tổng hợp<sup>6</sup>.

Thực hiện phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Đến nay cả 05 Công ty đã được UBND tỉnh phê

---

+ Mô hình giống lúa thuần Kim Cương 111, quy mô 3 ha, thực hiện tại xã Ninh Lai (Sơn Dương), Mỹ Bằng (Yên Sơn), Phúc Thịnh (Chiêm Hóa); kết quả: Thời gian sinh trưởng từ 125 ngày -130 ngày; cứng cây chống đổ tốt, bông to, hạt thon dài, chất lượng cơm ngon, thơm, dẻo; năng suất bình quân đạt 63- 67 tạ/ha.

+ Mở rộng diện tích trồng ngô biến đổi gen DK6919S và NK4300Bt/GT, diện tích 1816,8ha, tăng 938,8ha so năm 2016, trên địa bàn các huyện, thành phố; kết quả: Giống ngô biến đổi gen được gắn thêm gen Bt11 kháng sâu đục thân và gen GA21 kháng thuốc trừ cỏ có hoạt chất Glyphosate; giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật, công lao động, chất lượng hạt ngô cao; năng suất bình quân 68 tạ/ha.

+ Mô hình cải tạo đàn trâu địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo để nâng cao chất lượng đàn trâu tại huyện Yên Sơn; Kết quả đã phối giống được 45 trâu cái tại 2 xã Trung Sơn, Đạo Viện huyện Yên Sơn.

<sup>6</sup> Gồm: 182 trang trại trồng trọt, 244 trang trại chăn nuôi, 251 trang trại tổng hợp, 04 trang trại lâm nghiệp và 01 trang trại thủy sản.

duyệt phương án sử dụng đất và phê duyệt giá trị tài sản doanh nghiệp; đang thực hiện Phương án chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.

Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương thực hiện 01 dự án cánh đồng mía lớn quy mô 11 ha tại xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa; Hợp tác xã NLN Tam Đa, Sơn Dương thực hiện liên kết sản xuất mía nguyên liệu với 800 hộ dân, quy mô 214 ha. Công ty Cổ phần chè Mỹ Lâm xây dựng mô hình liên kết sản xuất mới với diện tích trên 200 ha theo phương thức: Công ty thành lập các tổ dịch vụ thực hiện bón phân, phun thuốc, thu hái; nông dân thực hiện các công việc còn lại và tham gia quản lý vườn chè; hình thức này giúp quản lý chặt chẽ được chất lượng nguyên liệu và sản phẩm.

### **5. Xây dựng, quảng bá, nâng cao giá trị thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm**

Tổ chức các điểm kinh doanh nông sản, cung cấp sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở các thành phố lớn, như: Hà Nội, Hải Dương, Đà Nẵng<sup>7</sup>... Kết nối các doanh nghiệp thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân; kết quả: Tổ chức sản xuất và thu mua trên 95 tấn ớt tươi; liên kết sản xuất 108 ha lúa thuần chất lượng cao, cho năng suất bình quân 55-57 tấn/ha; liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi và phân phối sản phẩm thịt trâu, thịt lợn sạch, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc tại tỉnh Tuyên Quang<sup>8</sup>.

Tuyên truyền, hướng dẫn mở rộng quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn đối với các sản phẩm chủ lực, kết quả: Diện tích chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững Rainforest là 827,6 ha, tăng 41 ha so năm 2016<sup>9</sup>; diện tích cam đủ tiêu chuẩn VietGAP là 195,7 ha, tăng 64,6 ha so năm 2016<sup>10</sup>.

Tham mưu giải pháp giữ vững thương hiệu các sản phẩm hiện có, xây dựng thương hiệu sản phẩm mang tầm Quốc gia và khu vực. Trong năm có 02 sản phẩm: chè Bát tiên Mỹ Bằng, mật ong Tuyên Quang được “Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2017” và 02 sản phẩm: Cá Lăng, chè đặc sản Vĩnh Tân được bình chọn danh hiệu “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2017”. Hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý cho các sản

<sup>7</sup> Cụ thể: (1) Kết nối tiêu thụ các sản phẩm: Cam sành Hàm Yên, cá Lăng, Mật ong Tuyên Quang, tinh bột nghệ Tiến Phát, miến dong Hợp Thành tại Cửa hàng thực phẩm sạch An Nguyên, Khu đô thị Tây Nam Linh Đàm, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. (2) Kết nối Công ty TNHH Lâm sản và Dịch vụ Long Giang tham gia bán hàng tại Trung tâm trung bày, giới thiệu và phân phối nông sản thực phẩm an toàn, số 489 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. (3) Tư vấn Công ty TNHH Trường Chính Kiệt mở điểm phân phối nông sản tại 44 Phạm Văn Đồng, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. (4) Kết nối được 03 siêu thị, cửa hàng thực phẩm an toàn tại Hải Dương, Hà Nội, Đà Nẵng đưa sản phẩm chè VietGAP vào tiêu thụ. (5) Tổ chức đi xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm và ký kết hợp đồng quảng cáo và tiêu thụ sản phẩm cam tại các tỉnh miền Trung và miền Nam. (6) Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp Tuyên Quang tại Hà Nội (đợt 1 từ ngày 22 đến 28/5/2017, đợt 2 từ 17/11/2017 đến 20/11/2017).

<sup>8</sup> Năm 2017 đã thực hiện với quy mô 45 con trâu, 38 con bò và 260 lợn thịt.

<sup>9</sup> Gồm: 02 mô hình chè theo tiêu chuẩn VietGAP diện tích 22,54 ha/52 hộ tham gia, so năm 2016 tăng 4,9ha/14 hộ tham gia và 805 ha sản xuất theo tiêu chuẩn bền vững Rainforest.

<sup>10</sup> Duy trì 83,9 ha, thực hiện trong năm 2017 là 111,8 ha, trong đó: Hàm Yên 96,7ha, Chiêm Hóa 15,1ha.

phẩm nông sản<sup>11</sup>. Hướng dẫn các xã: Trung Yên, Phúc Ứng, Tú Thịnh, Minh Thanh lập hồ sơ công nhận Làng nghề chè.

Hoàn thành trình UBND tỉnh Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh thực hiện năm cao điểm về vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường quản lý chất lượng giống, vật tư nông, lâm nghiệp gắn với khung thời vụ<sup>12</sup>. Triển khai xây dựng và kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn được 09 cơ sở.

## **6. Xây dựng, thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất**

Tiếp tục đơn đốc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, tạo nguồn vốn cho nhiều hộ dân phát triển sản xuất. Cơ chế, chính sách của tỉnh đã được nhân dân đồng tình hưởng ứng tham gia thực hiện, mở rộng đầu tư sản xuất hàng hóa. Đến hết năm 2017, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 313,418 tỷ đồng cho 3.488 hộ và 398 trang trại; Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ gia đình, chủ trang trại được 15.890,55 triệu đồng (*trong đó: Hỗ trợ lãi suất tiền vay 14.795,55 triệu đồng, sản xuất theo VietGAP 897,0 triệu đồng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại 198 triệu đồng*).

Phối hợp với các ngành, UBND huyện, thành phố tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh. Kết quả thực hiện đến ngày 20/01/2018: Đã thi công lấp đặt 182,359 km kênh mương, đạt 99,9% kế hoạch năm 2017; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa 90,47km, đạt 101,4% kế hoạch năm 2017; số nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên đưa vào sử dụng 126 nhà/149 nhà theo kế hoạch năm 2017 và 107/122 nhà theo kế hoạch năm 2016.

Hoàn thành thẩm định 01 dự án liên kết giữa doanh nghiệp với HTX và nông dân của Công ty cổ phần Giống- vật tư NLN tỉnh đang trình Sở Tài chính thẩm định. Tổng hợp kế hoạch kinh phí hỗ trợ hợp tác xã năm 2017 gửi Sở Tài chính thẩm định với kinh phí là 5.559 triệu đồng/59 hợp tác xã.

Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2021; chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị

<sup>11</sup> Cụ thể: Hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chè Shan; phối hợp xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với cam sành Hàm Yên; tư vấn, hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm: Chè Shan Khau Mút, Gạo đặc sản xã Minh Hương, trâu ngổ Tuyên Quang.

<sup>12</sup> Toàn tỉnh đã tổ chức 569 cuộc thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp, đã phát hiện và xử phạt 16 cơ sở vi phạm; thực hiện 415 cuộc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, phát hiện và xử lý 03 cơ sở vi phạm. Tổ chức kiểm tra, đánh giá 1.252 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm, Trong đó: 25 cơ sở đạt loại A; 1.207 cơ sở đạt loại B; 20 cơ sở đạt loại C; số cơ sở xếp loại C sau khi tái kiểm tra được xếp loại B là 20 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%. Tổ chức xác nhận kiến thức và cấp được 128 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho 10 tổ chức và 118 các nhân/257 lượt người; cấp lại và cấp mới 12 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.



định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ vacxin tiêm phòng cho gia súc; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất chương trình 135 và đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch.

### **7. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định “*Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020*”. Hoàn thành việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình năm 2017; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch<sup>13</sup>. Sau khi kiểm tra đã tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh có văn bản chỉ đạo, đôn đốc các xã tiếp tục thực hiện nâng cao, hoàn thiện các tiêu chí và khắc phục những tồn tại để duy trì xã đạt chuẩn nông thôn mới bền vững. Dự kiến hết năm 2017, duy trì giữ vững 16 xã đã đạt chuẩn và có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **8. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn**

Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả và Dự án khí sinh học trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả và đúng quy định. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 về việc phê duyệt đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kết quả đến nay đã thực hiện bàn giao quản lý, sử dụng và khai thác theo Thông tư 54 của Bộ Tài chính được 62/372 công trình. Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt giá nước sinh hoạt nông thôn và chủ trương xây dựng cơ chế cấp bù giá nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuyên truyền vận động người dân nông thôn đầu tư xây dựng các công trình chuồng trại hợp vệ sinh đã góp phần cải thiện vấn đề vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe và đời sống cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh.

### **9. Công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai**

Xây dựng phương án và thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn<sup>14</sup>. Quản lý, sử dụng kinh phí cấp bù thủy lợi phí hiệu

<sup>13</sup> Tiến hành 08 đợt kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại 07 xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017, các xã mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 và 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2015 trên địa bàn tỉnh.

<sup>14</sup> Năm 2017, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 17 đợt thiên tai, đã có 757 nhà dân bị sập đổ, sạt lở, tốc mái; 12 trường điểm trường bị ảnh hưởng; diện tích bị thiệt hại: 1.443 ha lúa, hoa màu, 126 ha ao hồ nuôi trồng thủy sản bị tràn bờ; 69 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị hư hỏng cuốn trôi; 7.052 m kênh mương bị thiệt hại; 53 công trình hồ chứa, đập

quả, đúng quy định. Phối hợp với các đơn vị liên quan tập trung kiểm tra, đánh giá nguồn nước các công trình thủy lợi để chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn cho diện tích lúa đã gieo cấy. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, khắc phục các hư hỏng của công trình thủy lợi trước và sau mùa mưa lũ. Đã hoàn thành tu sửa nâng cấp 43 công trình thủy lợi; sửa chữa, kiên cố trên 180 km kênh mương. Tỷ lệ tưới chắc đạt 81,5% tổng diện tích gieo cấy theo kế hoạch.

Phối hợp với các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đã hoàn thành di chuyển 90 hộ với 396 khẩu đạt 100% KH, sau mưa bão các huyện rà soát, toàn tỉnh có 58 hộ/223 khẩu cần phải di chuyển khẩn cấp, đến nay đã thực hiện bố trí, ổn định được 44 hộ/172 khẩu.

#### **10. Công tác quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng và quản lý tài chính**

Tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công, dự toán ngân sách nhà nước đảm bảo thực hành tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công theo Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 50 công trình và kiểm tra công tác nghiệm thu 24 công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định. Hoàn thành các nội dung hoạt động dự án TNSP, VIE/035 theo đúng Kế hoạch công tác và ngân sách dự án được duyệt đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

Thực hiện Dự án phát triển lâm nghiệp đảm bảo tiến độ: Hoàn thành trồng trên 240 ha rừng phòng hộ, chăm sóc rừng trồng đảm bảo đúng thiết kế được duyệt; hoàn thiện toàn bộ nền đường, mặt đường đối với 10,25 km công trình đường ô tô lâm nghiệp tại xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên; tổ chức lựa chọn nhà thầu để triển khai thi công xây dựng công trình đường ô tô lâm nghiệp giai đoạn 2 với chiều dài 11,71km tại các xã: Tân An, Tân Tiến, Tân Long, huyện Yên Sơn và xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang.

#### **11. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh**

Rà soát kiện toàn cán bộ lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn và đơn vị thuộc Sở theo quy định; xây dựng phương án sắp xếp, bố trí lực lượng và các Chốt bảo vệ rừng để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thường xuyên cập nhật đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện. Thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính với 121/137 thủ tục hành chính (*các thủ tục chưa đề nghị cắt giảm, do không quy định rõ thời*

---

dâng, trạm bơm bị hư hỏng; 2.915m bờ sông, suối bị sạt lở... Sở đã phối hợp với UBND huyện hướng dẫn các biện pháp khắc phục, sớm ổn định cuộc sống và sản xuất của người dân.

gian giải quyết); số thủ tục hành chính đang thực hiện tại Sở là 25/137 thủ tục hành chính<sup>15</sup>.

Thực hiện 12 cuộc thanh tra chuyên ngành về các lĩnh vực: Kết quả trồng rừng sản xuất, phòng hộ; chấp hành Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật; hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện các quy định của pháp luật và cơ chế, chính sách trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; chấp hành pháp luật về chất lượng an toàn thực phẩm trong sản xuất và chế biến chè, sản xuất và kinh doanh thủy sản; qua công tác thanh tra các đơn vị đã phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời các thiếu sót, sai phạm của đối tượng thanh tra<sup>16</sup>.

Hoàn thành xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đưa vào áp dụng từ tháng 9/2017. Thường xuyên quán triệt thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các hộ nông dân trên địa bàn toàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ công tác trọng tâm được UBND tỉnh giao; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục được chuyển dịch mạnh sang sản xuất hàng hóa; nhiều nông sản hàng hóa đang từng bước khẳng định thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ; Chương trình xây dựng nông thôn mới đã đạt được nhiều kết quả quan trọng; thu nhập và đời sống của nhân dân tiếp tục được nâng lên.

Bên cạnh kết quả đạt được, còn có hạn chế, khó khăn là:

- Diện tích, năng suất, sản lượng cây mía, sản lượng chè búp tươi, diện tích trồng đậu tương, sản lượng gỗ khai thác không đạt kế hoạch đề ra<sup>17</sup>. Kết quả tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm không đạt kế hoạch, đặc biệt là vắc xin

<sup>15</sup> Năm 2017, tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 2.694 hồ sơ. Trong đó: Số hồ sơ giải quyết trước thời hạn là 284 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 2.374 hồ sơ; số hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết là 15 hồ sơ; hồ sơ giải quyết quá thời hạn là 03 hồ sơ; hồ sơ đang trong thời gian giải quyết là 18 hồ sơ.

<sup>16</sup> Qua thanh tra đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 63,6 triệu đồng; yêu cầu kiểm điểm, rút kinh nghiệm 03 tổ chức, 10 cá nhân có liên quan đến sai phạm; yêu cầu các Ban quản lý thu hồi vốn và xử lý theo quy định 203,9ha rừng sản xuất, phòng hộ không thành rừng (*hỗ trợ trồng rừng sản xuất 44,4ha; rừng phòng hộ 159,5 ha*).

<sup>17</sup> Nguyên nhân: Về cây mía, nhiều diện tích mía đã lưu gốc nhiều năm, sâu bệnh nhiều, sức nảy mầm kém nhưng nhân dân vẫn không đầu tư trồng lại, năng suất thấp; tiến độ thu mua mía nguyên liệu vụ ép năm 2016-2017 chậm, kéo dài; hình thức tổ chức sản xuất mía đường chậm thay đổi (*nhà máy vẫn phải giao dịch trực tiếp với gần 30 nghìn hộ trồng mía*); việc chậm cung ứng giống, chày máy, chày thu mua mía nguyên liệu làm ảnh hưởng đến chất lượng mía và thu nhập của hộ trồng mía, gây tâm lý không yên tâm để đầu tư trồng mới phát triển diện tích. Cây đậu tương, do chi phí đầu tư cao, khó phòng trừ sâu bệnh hại, thời vụ gieo trồng thường gặp mưa úng nước rất dễ thối, mất sức nảy mầm nên khó gieo trồng, mất nhiều công lao động dẫn đến hiệu quả thấp nên người dân giảm quy mô đầu tư phát triển, một số diện tích đã được người dân chuyển đổi sang trồng lúa, ngô, lạc, rau... Sản lượng chè búp tươi giảm do diện tích cho sản phẩm giảm, vì diện tích chè già cỗi, năng suất thấp bị chặt phá để trồng thay thế chè có năng suất cao.

lở mồm long móng cho đàn lợn nái, vắc xin dại tiêm cho chó, các loại vắc xin tiêm cho đàn gia cầm<sup>18</sup>. Đàn trâu, đàn lợn không đạt kế hoạch<sup>19</sup>.

- Số hợp tác xã, doanh nghiệp trực tiếp sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc có hợp đồng liên kết, tiêu thụ sản phẩm với người dân còn ít. Tiến độ thực hiện việc sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chậm. Sản phẩm sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn còn ít. Việc thực hiện một số chính sách còn chậm, như chính sách khuyến khích xây dựng cánh đồng lớn, khuyến khích phát triển Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Việc xây dựng nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa nông sản còn hạn chế, chưa có sản phẩm nào có chỉ dẫn địa lý. Thị trường đầu ra của một số sản phẩm như: Cam, Lạc, lợn, Cá đặc sản chưa tạo được chuỗi gắn kết từ sản xuất đến tiêu thụ với doanh nghiệp, còn phụ thuộc nhiều vào việc thu mua của người mua gom bán buôn.

- Tiến độ bàn giao các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính còn chậm (*mới bàn giao được 62/372 công trình*). Một số nhiệm vụ trọng tâm của Sở thực hiện còn chậm (*08 việc đang thực hiện và 01 việc không hoàn thành*).

#### ***Nguyên nhân của những hạn chế đó là:***

- Công tác lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhiều lúc, nhiều việc còn chậm, chưa quan tâm thỏa đáng và còn thiếu quyết liệt.

- Công tác tham mưu của các bộ phận, các đơn vị chuyên môn của Sở có lúc, có việc chưa chủ động, còn lúng túng, chất lượng tham mưu còn hạn chế.

- Chính sách hỗ trợ, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế. Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất, thu mua, chế biến nông sản ở khu vực nông thôn.

- Sự chuyển biến, thay đổi nhận thức về cơ chế thị trường đối với nông nghiệp hàng hóa, tư duy về sản xuất hàng hóa tuy có chuyển biến nhưng vẫn còn rất chậm.

- Hạ tầng, năng lực ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế (*nhất là năng lực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất của nông dân*).

---

<sup>18</sup> Nguyên nhân là do người chăn nuôi còn chủ quan trong phòng trừ dịch bệnh; Việc triển khai tiêm phòng tại một số địa phương chậm so với kế hoạch, một số địa phương còn trông chờ vào việc hỗ trợ của nhà nước, hoạt động của Ban chỉ đạo tiêm phòng ở một số xã không hiệu quả.

<sup>19</sup> Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn cung vượt cầu, giá cả xuống thấp (*đặc biệt là giá lợn*), khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm nên người chăn nuôi đã giảm quy mô sản xuất so với dự báo dẫn đến tổng đàn không đạt kế hoạch đề ra.

**PHẦN THỨ HAI**  
**Phương hướng, nhiệm vụ của ngành nông nghiệp**  
**và phát triển nông thôn năm 2018**

**I. Mục tiêu**

Năm 2018, là năm thứ ba thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020. Nhiệm vụ trọng tâm của ngành nông nghiệp trong năm 2018 là: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập trung phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển hàng hóa các sản phẩm chủ lực, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt 8.054 tỷ đồng, tăng trên 4% so với thực hiện năm 2017.

- Sản lượng lương thực đạt trên 33,5 vạn tấn.

- Chăn nuôi: Đàn trâu 116.700 con, đàn bò 32.843 con, đàn lợn 562.800 con, đàn gia cầm 5.899 nghìn con. Sản lượng thủy sản 7.543 tấn.

- Trồng rừng 11.500 ha, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 814.000m<sup>3</sup>, làm tốt công tác bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ của rừng trên 60%.

- Duy trì, giữ vững 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới đến hết năm 2017 và phấn đấu có thêm 06 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới.

*(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)*

**II. Nhiệm vụ và giải pháp**

**1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Tham mưu tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 27/10/2008 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế lâm nghiệp, cải thiện sinh kế bền vững, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Tiếp tục lựa chọn các việc trọng tâm của Sở để tập trung triển khai thực hiện theo lộ trình kế hoạch thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

**2. Đẩy mạnh tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa**

**2.1. Về Trồng trọt**

Xây dựng kế hoạch sản xuất, bố trí cơ cấu giống, thời vụ hợp lý từng cánh đồng, từng vùng sản xuất. Tập trung phát triển nâng cao năng suất và phát triển thị trường đối với các cây trồng chuyên canh tập trung: Trồng mới, trồng lại 2.609 ha mía; trồng mới và trồng thay thế trên 109 ha chè bằng giống mới có

năng suất, chất lượng cao; thâm canh vùng lạc với diện tích trên 4.200 ha, vùng cam trên 7.800 ha. Tiếp tục mở rộng diện tích gieo cấy các giống lúa thuần chất lượng cao; đưa các giống ngô lai có tiềm năng, năng suất cao vào sản xuất đại trà. Tuyên truyền, mời gọi và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện dự án liên kết sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn đối với việc: Sản xuất giống lúa lai, sản xuất lạc giống, sản xuất mía giống, trồng chè, trồng rau an toàn. Phân đầu giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt trên 4.100 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010)..

Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Làm tốt công tác dự tính, dự báo và có biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng kịp thời; chỉ đạo hệ thống khuyến nông làm tốt công tác hướng dẫn nông dân canh tác đúng quy trình kỹ thuật.

## **2.2. Chăn nuôi**

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Phân đầu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt trên 2.470 tỷ đồng.

Tăng cường hướng dẫn thực hiện các mô hình liên kết sản xuất chăn có hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp để nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi tập trung trên tổng giá trị sản phẩm chăn nuôi. Đẩy nhanh việc thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh. Bằng nguồn chính sách hỗ trợ của địa phương, tiếp tục hỗ trợ phát triển đàn trâu sinh sản, đàn trâu đực giống trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục phối hợp thực hiện dự án thụ tinh nhân tạo cho trâu. Chú trọng công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

## **2.3. Thủy sản**

Sử dụng, khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hồ thủy điện để nuôi trồng thủy sản bằng lồng, nuôi cá eo ngách. Phân đầu giá trị sản xuất thủy sản đạt trên 238 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010).

Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống thủy sản. Nâng cao năng lực sản xuất một số giống cá đặc sản bằng phương pháp sinh sản nhân tạo; chuyển dịch cơ cấu nuôi trồng theo hướng tăng tỷ trọng nuôi trồng các loài cá bản địa, cá đặc sản, cá thương phẩm cao sản có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng. Bằng nguồn chính sách hỗ trợ của địa phương, tiếp tục hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản hàng hóa, thực hiện nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP.

## **2.4. Lâm nghiệp**

Trồng rừng 11.500 ha, trong đó rừng tập trung 11.150 ha (trong đó có 2.180 ha rừng trồng được hỗ trợ cây giống chất lượng cao); sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 814.000 m<sup>3</sup>; làm tốt công tác bảo vệ rừng, duy trì độ che phủ của rừng trên 60%. Phân đầu giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt trên 1.050 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010).

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao. Thực hiện nghiêm quy chế quản lý giống cây lâm nghiệp; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển giao công nghệ nuôi cấy mô, đưa giống keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô vào trồng rừng đại trà rừng sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ. Tiếp tục thực hiện các giải pháp kỹ thuật xây dựng rừng gỗ lớn; thực hiện quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn quốc tế FSC.

Rà soát, củng cố các chốt, trạm, bố trí lực lượng làm tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và tuyên truyền, cảnh báo phòng cháy chữa cháy rừng, nâng cao năng lực của lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý bảo vệ tài nguyên rừng.

### **3. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất**

Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp đẩy mạnh đưa khoa học công nghệ vào khâu sản xuất, chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất giống bằng phương pháp nuôi cấy mô (*cây mía, giống cây lâm nghiệp*); sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Lăng, cá Chiên...; ứng dụng thụ tinh nhân tạo cho trâu, phục tráng, nâng cao tầm vóc đàn trâu; biện pháp canh tác trên đất dốc, canh tác tổng hợp; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cam, chè, mía; sử dụng phân bón, chế phẩm sinh học để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hoàn thành cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC cho các công ty lâm nghiệp thuộc tỉnh, đánh giá, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả.

### **4. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất**

Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất, quản lý trong nông nghiệp, nông thôn, nhất là việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, các tổ hợp tác, mở rộng các ngành nghề dịch vụ, gắn với chuỗi cung ứng sản phẩm hàng hóa, đảm nhiệm tốt vai trò đại diện của nông dân trong chuỗi sản xuất - tiêu thụ.

Phối hợp Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương hướng dẫn thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã sản xuất mía. Xây dựng và thực hiện sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Duy trì, mở rộng quy mô sản xuất các Tổ hợp tác sản xuất theo quy trình VietGAP.

### **5. Xây dựng, quảng bá, nâng cao giá trị thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm**

Tiếp tục giữ vững thương hiệu của các sản phẩm đã có, xây dựng nhãn hiệu cho các sản phẩm mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá sản phẩm; kết nối đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh vào tiêu thụ tại thị trường các thành phố lớn; xây dựng Kế hoạch phát triển các chuỗi giá trị: Chè, cam, lạc, keo, trâu, lợn, cá.

Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn mở rộng quy mô sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn đối với các sản phẩm chủ lực. Xây dựng kế hoạch tăng cường triển khai các chương trình giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiếp tục thực hiện nghiêm Chỉ thị của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp, Quyết định phân cấp kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sản xuất và an toàn cho người tiêu dùng.

## **6. Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất**

Thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách của tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế trang trại, chính sách phát triển chăn nuôi nông hộ và chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã nông lâm nghiệp-thủy sản; thu hút các doanh nghiệp thực hiện các Dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất, các chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa theo hình thức liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; chính sách hỗ trợ giống cây trồng lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách của các doanh nghiệp, cơ chế phát triển, thu mua nguyên liệu (*cây mía, chè, rừng nguyên liệu giấy*).

## **7. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn**

Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Duy trì, giữ vững 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới và phấn đấu có thêm 06 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới.

Tham mưu xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đổi mới và nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi. Rà soát, đề xuất để đầu tư công trình thủy lợi, ưu tiên công trình thủy lợi kết hợp tưới cây trồng cạn, nuôi trồng thủy sản phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên cơ sở hợp tác công tư và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công.

Tham mưu xây dựng Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng các công trình cấp nước và vệ sinh nông thôn dựa vào kết quả đầu ra; phấn đấu nâng tỷ lệ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh toàn tỉnh lên trên 86,5%.



## 8. Công tác quản lý, thực hiện đầu tư xây dựng, sử dụng dự toán ngân sách nhà nước và tài sản công

Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ về công tác quản lý đầu tư xây dựng lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở, báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế xây dựng và dự toán đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định. Tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án kiên cố hóa kênh mương giai đoạn 2016-2025.

Tiếp tục phối hợp với Ban điều phối Dự án TNSP hoàn thiện đề xuất Dự án Phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang, do IFAD tài trợ; tổ chức thực hiện có hiệu quả dự án Phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang; dự án xác định ranh giới và đóng mốc điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng (*phòng hộ, đặc dụng, sản xuất*) tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của HĐND tỉnh về Quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công theo Chỉ thị 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

## 9. Cải cách hành chính, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư; chủ động phối hợp với các Doanh nghiệp đang đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tiếp cận các chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành công vụ. Thường xuyên làm tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và xử lý, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của công dân theo quy định. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin sâu rộng cho các cán bộ, công chức, viên chức toàn ngành.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *nh*

- UBND tỉnh (*Báo cáo*);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (*Báo cáo*);
- Các Sở ban ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT Đảng ủy Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH-TC.

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Việt

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA SỞ NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: 71/BC-SNN, ngày 07/3/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ trong chương trình công tác chủ yếu của UBND tỉnh năm 2017 theo Chương trình số 01/CTr-UBND ngày 08/01/2017 của UBND tỉnh và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Tổng số 05 việc.</b>			<b>4</b>	<b>1</b>
<b>1</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>			<b>2</b>	<b>1</b>
<b>1.1</b>	Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 về việc trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.	Hoàn thành	1	
<b>1.2</b>	Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2021.	HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017.	Hoàn thành	1	
<b>1.3</b>	Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Chiêm Hóa, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương.	Đến nay cả 05 Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án sử dụng đất và phê duyệt giá trị tài sản doanh nghiệp; đang thực hiện Phương án chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp.	Thực hiện chậm so với kế hoạch. Tiếp tục chuyển 2018.		1
<b>2</b>	<b>Chi cục Thủy lợi</b>			<b>2</b>	<b>0</b>
<b>2.1</b>	Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017.	Hoàn thành	1	
<b>2.2</b>	Tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và Quy chế quản lý kinh phí cấp bù sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Thay thế QĐ số 29/2013/QĐ-UBND ngày 30/11/2013 về việc ban hành mức thu thủy lợi phí, tiền nước và công tác quản lý, sử dụng kinh phí Thủy lợi phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017.	Hoàn thành	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị theo Kế hoạch số 199/KH-SNN ngày 09/02/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Tổng số 58 việc</b>			<b>53</b>	<b>5</b>
<b>1</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 08 việc</b>			<b>7</b>	<b>1</b>
1.1	Thành lập Hội nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang.	UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 về việc cho phép thành lập Hội nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang.	Hoàn thành	1	
1.2	Hướng dẫn, vận động 03 đơn vị sản xuất chè thành lập Tổ dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật.	Đến nay 03/03 đơn vị là: Công ty Cổ phần chè Sông Lô, Hợp tác xã sản xuất chè Ngân Sơn, thôn Trung Long, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, HTX sản xuất chè Làng Bát, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên đã thành lập Tổ dịch vụ phun thuốc bảo vệ thực vật.	Hoàn thành.	1	
1.3	Hướng dẫn nâng cao năng lực sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè theo tiêu chuẩn Việt GAP.	Tổ chức chứng nhận đã cấp giấy chứng nhận sản xuất chè VietGAP (lần 3) cho HTX sản xuất chè Làng Bát, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên. Diện tích 17,5ha với 44 hộ tham gia, tăng 14 hộ so với năm 2016. Kết nối được 03 siêu thị, cửa hàng thực phẩm an toàn tại Hải Dương, Hà Nội, Đà Nẵng đưa sản phẩm chè vào tiêu thụ.	Hoàn thành	1	
1.4	Phối hợp với Công ty phân bón Miền Trung thực hiện sản xuất 01 ha chè hữu cơ tại Hợp tác xã chè Ngân Sơn, thôn Trung Long, xã Trung Yên, huyện Sơn Dương.	Do Tổ Hợp tác xã chè Ngân Sơn, thôn Trung Long, xã Trung Yên, Sơn Dương không đáp ứng đủ điều kiện để triển khai thực hiện sản xuất chè hữu cơ nên đơn vị chuyển thực hiện tại Tổ hợp tác xã chè Làng Bát xã Tân Thành, huyện Hàm Yên. Diện tích áp dụng 2ha/5hộ; tập huấn sản xuất theo định hướng hữu cơ, áp dụng quản lý dịch hại theo IPM, quản lý một số đối tượng bằng các biện pháp canh tác.... diện tích thực hiện mô hình chè sinh trưởng phát triển tốt. Giảm 02 lần phun thuốc BVTV và tiền mua phân bón vô cơ so với sản xuất đại trà.	Hoàn thành	1	
1.5	Đề án bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật và nâng cao nhận thức, hành động của người dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.	UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án.	Hoàn thành	1	
1.6	Tuyên truyền mở rộng diện tích trồng ngô biến đổi gen.	Năm 2017, đã gieo trồng 1.816,8 ha ngô biến đổi gen, tăng 938 ha so năm 2016. Qua đánh giá tại các điểm mô hình ngô biến đổi gen cho năng suất cao hơn ngô thường từ 10%-15%.	Đạt yêu cầu đề ra.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
1.7	Phối hợp với UBND huyện Hàm Yên phát triển, nhân rộng điểm sản xuất cam VietGAP thành vùng sản xuất cam VietGAP.	Hỗ trợ thành lập được 02 Tổ hợp tác sản xuất cam an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 96,7 ha/76 hộ (tại thôn 4 Thuộc Hạ và thôn 5 Thuộc Hạ xã Tân Thành, huyện Hàm Yên). Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất VietGAP cho 100% số hộ của 02 Tổ hợp tác. Tổ hợp tác đã xây dựng quy chế hoạt động, ban hành quy trình sản xuất cam theo tiêu chuẩn VietGAP của Tổ. Đến nay 96,7 ha cam của 76 hộ đã đủ điều kiện tiếp nhận các tổ chức chứng nhận vào kiểm tra, đánh giá chứng nhận VietGAP.	Hoàn thành theo yêu cầu.	1	
1.8	Nghiên cứu đề xuất dự án Điều tra, khảo sát, đánh giá và đề xuất quy hoạch vùng trồng cỏ phục vụ phát triển chăn nuôi bò và một số loại cây ăn quả chủ lực tại tỉnh Xiêng Khoảng nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	Tham mưu đề xuất UBND tỉnh kế hoạch phối hợp với các đơn vị liên quan của tỉnh Xiêng Khoảng để triển khai các bước thực hiện dự án; chủ trương lập dự án (UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 06/02/2018 về phê duyệt chủ trương lập dự án quy hoạch). Nghiên cứu tài liệu và văn bản quy phạm pháp luật để chuẩn bị xây dựng đề cương nhiệm vụ dự án.	Thực hiện chậm so với kế hoạch. Tiếp tục chuyển 2018.		1
<b>2</b>	<b>Trung tâm Khuyến nông: 06 việc</b>			<b>6</b>	<b>0</b>
2.1	Đánh giá hoạt động khuyến nông tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2010-2016 và phương hướng, nhiệm vụ công tác khuyến nông giai đoạn 2017-2020.	Đã tổ chức Hội nghị tổng kết vào ngày 24/5/2017.	Hoàn thành	1	
2.2	Phối hợp với Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương và các huyện tuyên truyền, hướng dẫn người trồng mía đẩy mạnh đầu tư thâm canh để tăng năng suất mía (làm đất bằng máy, sử dụng phân bón Grow More, phân viên nén NPK nhà chậm, giống tốt...).	Tham mưu cho Sở phối hợp với Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương ban hành Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch mía. Xây dựng, thực hiện cánh đồng lớn tại xã Tân Thịnh, huyện Chiêm Hóa quy mô 11 ha/57 hộ, mía phát triển tốt; trồng thử nghiệm 30 ha giống mới: giống mía Việt Đường 93159 là 20 ha; giống mía NK 9211 là 5 ha; giống mía QT là 5 ha. Phối hợp tổ chức cung ứng được 44,2 tấn phân bón Grow More trên cây mía (43,2 tấn phân bón gốc, 01 tấn phân bón lá).	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
2.3	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn mở rộng diện tích trồng lạc, thay đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu sản phẩm để tăng thu nhập cho người trồng lạc tại vùng lạc của huyện Chiêm Hóa, Lâm Bình.	Diện tích gieo trồng lạc vụ xuân, vụ hè thu toàn tỉnh 4.295ha/4.201 ha, đạt 102,2%KH, trong đó: Chiêm Hóa 2.673ha đạt 100,5%KH và Lâm Bình 446 ha đạt 108,8%KH; vụ đông 8,5ha tại Chiêm Hóa. Tiếp tục chỉ đạo cán bộ khuyến nông cơ sở hướng dẫn nông dân chăm sóc 7,9 ha lạc trồng che phủ nilon vụ thu đông, hiện nay lạc sinh trưởng tốt đang trong giai đoạn có quả non.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
2.4	Liên kết với doanh nghiệp tuyên truyền, hướng dẫn mở rộng diện tích ngô biến đổi gen gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh.	Năm 2017, đã gieo trồng 1.816,8 ha ngô biến đổi gen, tăng 938 ha so năm 2016. Qua đánh giá tại các điểm mô hình ngô biến đổi gen cho năng suất cao hơn ngô thường từ 10%-15%.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
2.5	Phối hợp với một số doanh nghiệp thực hiện các mô hình liên kết sản xuất hiệu quả gắn tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân với hợp tác xã, doanh nghiệp	Phối hợp với các doanh nghiệp trồng 72,4 ha ớt tại huyện Chiêm Hóa, Yên Sơn và tổ chức thu mua được trên 95 tấn ớt tươi cho dân. Phối hợp công ty cổ phần giống cây trồng Thái Bình liên kết sản xuất 108 ha lúa thuần chất lượng cao tại các xã: Phúc Thịnh, Hòa Phú, Yên Nguyên, Tân Thịnh và Hòa An, năng suất thu hoạch đạt bình quân 55-57 tấn/ha. Phối hợp với HTX Nông nghiệp Công nghệ cao Tiến Thành liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi và phân phối sản phẩm thịt trâu, thịt lợn sạch, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc tại tỉnh Tuyên Quang. Đã cung ứng 45 con trâu tại xã Vinh Quang, Chiêm Hóa, 38 con bò tại xã Minh Hương, Hàm Yên và 260 lợn thịt tại xã Thắng Quân, xã Tiến Bộ huyện Yên Sơn. Hiện nay trâu, bò, lợn trong mô hình khỏe mạnh, tăng khối lượng nhanh. Tiếp tục theo dõi mô hình “Trình diễn và chuyển giao kỹ thuật bón phân, phòng ngừa dịch hại bằng chế phẩm sinh học trên cây cam sành”. Phối hợp với Công ty TNHH Syngenta, Công ty cổ phần bò sữa Hồ Toàn thu mua ngô làm thức ăn chăn nuôi cho bò sữa.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
2.6	Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cán bộ khuyến nông thực hiện mô hình sản xuất hiệu quả.	Năm 2017, hệ thống khuyến nông đã thực hiện được 133 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới: Mô hình giống lúa lai Sut 89, MHC2, GS 16; lúa thuần Hà Phát 3, Kim cương 111, P15... mô hình thử nghiệm trồng ngô giống mới: Giống ngô bi ến đ ổi gen DK 6818S, DK 9955S... nhiều mô hình đã đánh giá, đạt hiệu quả kinh tế cao và được nông dân hưởng ứng nhân rộng ra sản xuất. Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng AgriBank tỉnh Tuyên Quang xây dựng hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ xây dựng mô hình dùng nguồn vốn vay từ Ngân hàng AgriBank; ngân hàng đã giải ngân cho 04 cán bộ khuyến nông vay vốn với số tiền là 450 triệu đồng.	Thực hiện đạt yêu cầu.	1	
3	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 05 việc</b>			3	2
3.1	Xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020.	UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020 tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 22/11/2017.	Hoàn thành	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
3.2	Nâng cao kết quả tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; quản lý chặt chẽ vắc xin, tiền công tiêm phòng.	Tập trung chỉ đạo triển khai, thực hiện công tác tiêm phòng; cung ứng đầy đủ vắc xin theo nhu cầu của cơ sở, kết quả tiêm phòng: + Vụ Xuân-Hè: Đàn trâu: vắc xin LMLM đạt 53,40% KH, vắc xin THT đạt 80,35% KH; Đàn bò: vắc xin LMLM đạt 67,61% KH, vắc xin THT đạt 80,2% KH; Đàn lợn: Vắc xin LMLM tiêm cho đàn lợn nái, đực giống đạt 17,73% KH, vắc xin THT đạt 84,85% KH, vắc xin dịch tả đạt 88,83% KH; Đàn gia cầm: vắc xin THT đạt 58,33% KH, vắc xin Niu cát sơn đạt 62,82% KH; Đàn chó tiêm phòng đại đạt 24,67% KH; Đàn Dê: 3.644 con. + Vụ Thu-Đông: Đàn trâu: vắc xin LMLM đạt 82,5% KH, vắc xin THT đạt 85% KH; Đàn bò: vắc xin LMLM đạt 77,4% KH, vắc xin THT đạt 84,6% KH; Đàn lợn: Vắc xin LMLM tiêm cho đàn lợn nái, đực giống đạt 32,95% KH, vắc xin THT đạt 72,35% KH, vắc xin dịch tả đạt 76,73% KH; Đàn gia cầm: vắc xin THT đạt 73,58% KH, vắc xin Niu cát sơn đạt 73,9% KH; Đàn chó tiêm phòng đại: 34.094 lượt đạt 31,3%; Đàn Dê đạt 12,89% KH.	Tỷ lệ tiêm phòng một số vacxin không đạt kế hoạch.		1
3.3	Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chính sách phát triển chăn nuôi theo Nghị quyết 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.	Phối hợp kiểm tra, theo dõi thực hiện chính sách, đến nay Ngân hàng đã giải ngân cho vay theo cho Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND được 140.740 triệu đồng mua 6.146 con trâu giống ( <i>trong đó trâu cái sinh sản 5.795 con, trâu đực giống 351 con</i> ); hỗ trợ lãi suất vay vốn 6.038,98 triệu đồng/2.847 hộ; vay theo Nghị quyết 10/2014/NQ-HĐND: Đã giải ngân 125.061 triệu đồng, hỗ trợ lãi suất vốn vay: 4.341,7 triệu đồng cho 362 trang trại.	Hoàn thành mục tiêu kế hoạch.	1	
3.4	Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện "Quy định mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020" theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.	Ban hành hướng dẫn liên ngành thực hiện Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017.	Hoàn thành	1	
3.5	Phối hợp với Viện Chăn nuôi triển khai Dự án Ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo trâu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Phối hợp với Viện Chăn nuôi hoàn thành Thuyết minh dự án trình Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính thẩm định, dự kiến đưa vào thực hiện năm 2018.	Chuyển thực hiện trong năm 2018.		1
4	<b>Chi cục Thủy sản: 03 việc</b>			2	1

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
4.1	Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phát triển cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ; mô hình nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với củng cố tổ chức sản xuất và xây dựng thương hiệu, thành lập HTX sản xuất, kinh doanh cá đặc sản (theo Nghị quyết 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).	Ngân hàng đã giải ngân là 12.748 triệu đồng, trong đó nuôi cá đặc sản bằng lồng là 10.968 triệu đồng/115 hộ; số lồng vay nuôi cá đặc sản là 290 lồng (284 lồng kích thước 9-12m <sup>3</sup> ; 06 lồng kích thước 108m <sup>3</sup> ). Mô hình nuôi cá trong ao, hồ theo tiêu chuẩn VietGAP, tổng số tiền đã giải ngân là 1.630 triệu đồng/06 mô hình/12 hộ thực hiện.	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	
4.2	Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa và chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm cá Chiên và đưa sản phẩm cá đặc sản (cá Chiên, cá Lăng...) tham gia chương trình bán lẻ giá cao; phối hợp với nhà hàng làm chương trình quảng bá sản phẩm cá đặc sản của tỉnh.	Hợp tác xã sản xuất - kinh doanh cá đặc sản Thái Hòa đã hoàn thành và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; giấy chứng nhận nuôi trồng thủy sản VietGAP đối với sản phẩm cá Chiên, cá Bống nuôi lồng của hợp tác xã. Hoàn thiện hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ. Xây dựng gian hàng trưng bày sản phẩm cá đặc sản và các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Tuyên Quang tại Trung tâm triển lãm nông nghiệp Việt Nam, số 489 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	
4.3	Tiếp tục duy trì nuôi thí điểm cá Dầm xanh, Anh vũ ngoài môi trường tự nhiên theo hướng hợp tác công tư.	Theo báo cáo của Chi cục Thủy sản, toàn bộ số cá Anh Vũ chuyển cho 03 hộ nuôi thí điểm ngoài môi trường tự nhiên hiện không còn.	Không đạt yêu cầu đề ra.		1
5	<b>Trung tâm Thủy sản: 01 việc</b>			1	0
5.1	Tiếp tục thực hiện sản xuất giống cá đặc sản (Chiên, Lăng, Dầm Xanh, Anh Vũ) bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo; tăng cường sản xuất và cung ứng giống cá Chiên cho các hộ nuôi.	+ Từ 03/5/2017 đến 14/5/2017, đã cho cá Lăng chấm sinh sản với tổng số 54 con cá bố mẹ (103,5kg), trong đó: cá đực 10 con (23,3kg) cá cái 44 con (80,2kg). Kết quả thu được 260.000 trứng. Mặc dù đã thực hiện các giải pháp như bố trí 03 địa điểm ương ấp trứng với các nguồn nước khác nhau và thực hiện ấp trong 05 thiết bị khác nhau. Nhưng ấp nở chưa thành công. + Thực hiện sản xuất 9.200 con cá Chiên giống, 3.000 con cá Anh vũ giống bằng phương pháp sinh sản nhân tạo. □	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	
6	<b>Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản: 05 việc</b>			5	0

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
6.1	Tham mưu triển khai kế hoạch thực hiện năm cao điểm thanh, kiểm tra chuyên ngành về quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 theo Quyết định số 266/QĐ-BNN-TTr ngày 07/02/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.	Tham mưu trình UBND tỉnh Kế hoạch năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các Kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng. Đã tổ chức 569 cuộc thanh tra, kiểm tra vật tư nông nghiệp, đã phát hiện và xử phạt 16 cơ sở vi phạm hành chính 55,5 triệu đồng; thực hiện 415 cuộc thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản, phát hiện và xử lý 03 cơ sở vi phạm, số tiền 2,1 triệu đồng.	Hoàn thành yêu cầu đề ra.	1	
6.2	Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.	Tập huấn 5 lớp với 200 lượt người tham gia; Kiểm tra được 368 cơ sở. Qua kiểm tra đã phát hiện 03 cơ sở vi phạm về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong kinh doanh; Chi cục đã hoàn thiện hồ sơ xử phạt với số tiền 2,1 triệu đồng; Lấy 325 mẫu thực phẩm phân tích chất lượng để đánh giá chất lượng, phục vụ xác nhận sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo chuỗi. Kết quả đảm bảo theo quy định.	Hoàn thành	1	
6.3	Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Đã kiểm tra 125 lượt cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, phát hiện 08 cơ sở vi phạm; Lấy 18 mẫu, phân tích. Kết quả: 15 mẫu đảm bảo theo quy định, 02 mẫu thuốc thú y và 01 mẫu thức ăn chăn nuôi không đảm bảo chất lượng. Chi cục đã hoàn thiện hồ sơ và chuyển Thanh tra Sở xử phạt với số tiền 26 triệu đồng.	Đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra	1	
6.4	Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.	Đã hoàn thiện Dự thảo Đề án nâng cao năng lực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản giai đoạn 2017-2025 trình UBND tỉnh. Sau khi xem xét thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã có văn bản nhất trí chưa ban hành Đề án, tiếp tục nghiên cứu đề trình vào thời gian phù hợp.	Tiếp tục nghiên cứu đề trình vào thời gian phù hợp	1	
6.5	Triển khai xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và quảng bá giới thiệu sản phẩm.	Phối hợp xây dựng 11 phóng sự quảng bá, giới thiệu sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng được xác nhận trên địa bàn tỉnh (trong đó 10 phóng sự phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam và 01 phóng sự phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh). Chi cục thực hiện việc kiểm tra và đã cấp giấy xác nhận cho 09 cơ sở có sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn.	Hoàn thành	1	
7	<b>Chi cục Kiểm lâm: 07 việc</b>			7	0



STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
7.1	Triển khai thực hiện nhiệm vụ khắc phục tồn tại hạn chế trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng năm 2017 theo Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ Sở.	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 67/KH-CCKL ngày 10/02/2017 của Chi cục về việc tổ chức đợt sinh hoạt để giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn thể công chức, người lao động trong lực lượng kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang; chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm rà soát, bố trí trạm, chốt bảo vệ rừng; tham mưu cho Sở trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bố trí các Trạm Kiểm lâm, Chốt bảo vệ rừng và lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh.	Hoàn thành	1	
7.2	Quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc quản lý giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Chi cục Kiểm lâm đã hoàn thành dự thảo trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý chất lượng cây giống lâm nghiệp sản xuất, kinh doanh và lưu thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ( <i>Văn bản số 138/CCKL-SDPTR ngày 14/3/2017 của Chi cục Kiểm lâm</i> ). Ngày 29/3/2017, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản 803/UBND-NLN về việc tăng cường quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh ( <i>không ban hành chỉ thị</i> ).	Hoàn thành	1	
7.3	Quy định về điều kiện nuôi các loài động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Tổng hợp báo cáo của các huyện, thành phố về việc thống kê, tổng hợp về điều kiện gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn. Báo cáo xin ý kiến Bộ NN và PTNT cho phép tỉnh Tuyên Quang không ban hành quy định cụ thể về điều kiện nuôi nhốt động vật hoang dã mà thực hiện theo Văn bản số 104/CTVN-TTĐT ngày 09/5/2017 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam v/v hướng dẫn quản lý các trại nuôi nhốt động vật hoang dã ( <i>Văn bản số 998/SNN-CCKL ngày 19/5/2016</i> ).	Hoàn thành	1	
7.4	Tham mưu xây dựng dự án phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020.	Ngày 08/02/2017, Sở đã có Văn bản số 185/SNN-CCKL xin ý kiến UBND tỉnh về việc lập dự án đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2017-2020. Ngày 21/02/2017, UBND tỉnh đã có Văn bản số 403/UBND-NLN giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 185/SNN-CCKL báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 18/3/2017, Sở KH và ĐT đã có văn bản 233/KHĐT-KTN về việc lập dự án đầu tư trồng rừng sản xuất giai đoạn 2017-2020, báo cáo UBND tỉnh, theo đó không có quy định cho lập dự án bổ sung.	Hoàn thành việc tham mưu.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
7.5	Đẩy mạnh tuyên truyền về cây Keo giống chất lượng cao (Sản xuất bằng nuôi cấy mô) trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua hệ thống khuyến nông để nâng cao nhận biết, nhận thức trong nhân dân	Phối hợp cùng Truyền hình thông tấn xã Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và Báo Tuyên Quang đăng tin 02 bài trên báo, 02 bản tin trên Đài phát thanh và truyền hình tỉnh; phối hợp với Trung tâm khuyến nông thực hiện chuyên mục hướng dẫn trồng, chăm sóc rừng bằng giống sản xuất theo phương pháp nuôi cấy mô.	Đã hoàn thành	1	
7.6	Tham mưu đơn đốc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng và khai thác gỗ rừng trồng năm 2017.	Đến 31/12/2017: Trồng rừng 12.443 ha, đạt 105,9%KH. Khai thác 808.110,2 m3, đạt 95,7%KH.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	0
7.7	Duy trì quản lý diện tích rừng đã được cấp chứng chỉ FSC chưa khai thác; tiếp tục tổ chức cấp chứng chỉ FSC cho diện tích rừng của các hộ nông dân.	Tập trung triển khai thực hiện, năm 2017, đã cấp chứng chỉ FSC được thêm 515 ha rừng.	Thực hiện đúng yêu cầu.	1	
8	<b>Trung tâm Điều tra quy hoạch-thiết kế NLN: 01 việc</b>			1	0
8.1	Tổ chức sản xuất dịch vụ có hiệu quả	Xây dựng Phương án giao rừng trồng sản xuất gắn với giao đất lâm nghiệp theo Quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh tại huyện Na Hang, Yên Sơn với diện tích 207,85 ha. Phối hợp với UBND thị trấn Na Hang và các xã: Năng Khả, Sơn Phú, Sinh Long huyện Na Hang tổ chức giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp theo Đề án 65 được 220 ha. Lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng tự nhiên các huyện: Văn Chấn, Lục Yên, Chấn Yên, tỉnh Yên Bái: 40.000 ha. Lập hồ sơ khoán bảo vệ rừng tự nhiên là rừng sản xuất, phòng hộ cho các hộ gia đình các xã huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa: 11.360 ha và các hộ gia đình có cung ứng DVMTR xã Lãng Can, huyện Lâm Bình: 430,12 ha. Năm 2017, đơn vị đã tìm đủ việc làm thường xuyên cho CBVCLĐ; doanh thu đạt trên 2 tỷ đồng; mọi chế độ về tiền lương, tiền công, các khoản thu nhập; BHXH, BHYT, BHTN của CBVCLĐ được thanh toán, đóng góp đầy đủ kịp thời. Đời sống vật chất của CBCNV được cải thiện và ổn định.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
9	<b>Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang: 01 việc</b>			1	0
9.1	Tiếp tục triển khai nhiệm vụ khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển chăn nuôi và phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng theo quy định.	Kết quả: Đã tổ chức giao khoán bảo vệ rừng gắn với phát triển chăn nuôi cho 52 hộ/820,93 ha/13.147 con gia súc gia cầm/13 thôn, bản, trong đó Trâu 171 con, Bò 210 con, Dê 299 con, Gia cầm 12.467 con (Tăng 02 hộ/20,93 ha so kế hoạch đơn vị đề ra).	Hoàn thành.	1	
10	<b>Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình: 01</b>			1	0

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
10.1	Đánh giá hiệu quả khoán bảo vệ rừng phòng hộ với đối tượng là cộng đồng thôn (bản), đề xuất nhân rộng trên địa bàn huyện.	Năm 2017, đơn vị đã thực hiện khoán bảo vệ rừng tự nhiên trên địa bàn 08/08 xã của huyện Lâm Bình, tổng diện tích giao khoán là: 12.281,94 ha, trong đó: 02/08 xã thực hiện khoán bảo vệ rừng phòng hộ với đối tượng là hộ gia đình, tổng diện tích là: 3.630,64 ha; 06/08 xã thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng phòng hộ với đối tượng là cộng đồng thôn (bản): có 2.722 hộ/26 thôn (bản) tham gia. Tổng diện tích giao khoán là 8.651,30 ha.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
<b>11</b>	<b>Chi cục Thủy lợi: 04 việc</b>			<b>4</b>	<b>0</b>
11.1	Tham mưu thực hiện công tác thu, nộp, quản lý sử dụng Quỹ Phòng chống thiên tai 2017.	Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp phát, thanh toán kinh phí từ nguồn Quỹ phòng, chống thiên tai. Đơn đốc thực hiện thu, nộp Quỹ Phòng chống thiên tai các năm 2015, 2016, 2017: đến 31/12/2017 đã thu được 6,36 tỷ đồng/7,841 tỷ đồng, đạt 81,1%.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
11.2	Quy định về mức hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Tổ chức họp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của chính phủ. Đã thực hiện tham mưu tại Văn bản số 1044/SNN-TL ngày 26/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc đề xuất triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
11.3	Triển khai thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương bằng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn theo Nghị quyết số 03/2016/ND-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh.	Kết quả thực hiện đến 20/01/2018: Kế hoạch năm 2016, đã thi công hoàn thành 48,467km/48,43km đạt 100,1% kế hoạch; Kế hoạch năm 2017: Đã thi công 182,359 km, đạt 99,9%KH.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
11.4	Tham mưu ban hành Chỉ thị Phòng chống thiên tai năm 2017.	UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị phòng chống thiên tai 2017 và kiện toàn ban chỉ huy PCTT (Số 01/CT-UBND ngày 27/3/2017). Thực hiện nhiệm vụ thường trực công tác phòng chống lụt bão trong mùa mưa.	Hoàn thành theo yêu cầu.	1	
<b>12</b>	<b>Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi: 02 việc</b>			<b>2</b>	<b>0</b>
12.1	Hướng dẫn các Ban quản lý CTTL cơ sở đánh giá hiện trạng kênh mương; tổng hợp, tham mưu cho UBND huyện, thành phố xây dựng và thực hiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh.	Chỉ đạo, hướng dẫn các Ban quản lý công trình thủy lợi cơ sở rà soát các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương lựa chọn tuyến kênh, tham mưu cho Ban quản lý kiên cố hóa kênh mương của xã tổng hợp báo cáo UBND huyện xin cấp cấu kiện kiên cố hóa kênh mương. Giám sát kiểm tra việc lắp đặt một số tuyến mương để rút kinh nghiệm, điều chỉnh lắp đặt các tuyến khác đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
12.2	Tham mưu, kiến nghị UBND huyện, UBND xã củng cố kiện toàn các Ban quản lý CTTL cơ sở yếu, kém nhằm nâng cao năng lực quản lý, hoạt động hiệu quả các Ban quản lý CTTL cơ sở.	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Đến nay đã kiện toàn được 19 Ban quản lý Công trình thủy lợi cơ sở.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
13	<b>Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn: 01 việc</b>			1	0
13.1	Tham mưu, đề xuất Quy định cấp bù, hỗ trợ giá nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh.	Đã trình UBND tỉnh phê duyệt giá nước sinh hoạt nông thôn và chủ trương xây dựng cơ chế cấp bù giá nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Tờ trình số 1148/TTr-SNN ngày 12/6/2017 của Sở NN và PTNT).	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
14	<b>Chi cục Phát triển nông thôn: 06 việc</b>			5	1
14.1	Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đảm bảo hết năm 2017 có thêm 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Đôn đốc, kiểm tra và giám sát các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn đã được giao tại Quyết định 142/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh. Năm 2017, có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
14.2	Tiếp tục chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh.	Đến nay, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 313,418 tỷ đồng cho 3.488 hộ và 398 trang trại; Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ gia đình, chủ trang trại được 15.890,55 triệu đồng (trong đó: Hỗ trợ lãi suất tiền vay 14.795,85 triệu đồng, sản xuất theo VietGAP 897,0 triệu đồng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại 198 triệu đồng).	Thực hiện đạt yêu cầu.	1	
14.3	Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; quy mô diện tích tối thiểu đối với Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (theo Quyết định 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh).	Tuyên truyền, phổ biến Quyết định 10/2015/QĐ-UBND, Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND và Kế hoạch số 47/KH-UBND tỉnh đến cán bộ khuyến nông, cán bộ phòng nông nghiệp. Hoàn thành thẩm định 01 dự án liên kết giữa doanh nghiệp với HTX và nông dân của Công ty cổ phần Giồng- vật tư NLN tỉnh đang trình Sở Tài chính thẩm định.	Tiến độ thực hiện chậm.		1
14.4	Tham mưu triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển Hợp tác xã nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).	Tổng hợp kế hoạch kinh phí hỗ trợ hợp tác xã năm 2017 gửi Sở Tài chính thẩm định với kinh phí là 5.559 triệu đồng/59 hợp tác xã. Hướng dẫn thành lập mới 30 Hợp tác xã; hướng dẫn 01 Hợp tác xã tìm kiếm thị trường tại Miền Bắc lập hồ sơ xin hỗ trợ, với kinh phí dự kiến là 1.140 triệu đồng.	Hoàn thành kế hoạch.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
14.5	Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao, khuôn viên và một số công trình hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.	Kết quả đến ngày 20/01/2018: Thực hiện kế hoạch năm 2016: Đã thi công 48,467 km kênh mương, đạt 100,17%KH; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 70,5km/68,61km đạt 102,8%KH; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên đã xây dựng xong và đưa vào sử dụng 107/122 nhà. Thực hiện Kế hoạch năm 2017: Đã hoàn thành cung ứng cầu kiện kênh bê tông đúc sẵn kiên cố hóa kênh mương, thi công lắp đặt 182,359km/182,4 km, đạt 99,9% kế hoạch; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 90,47 km, đạt 101,4% KH; xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên đưa vào sử dụng 126/149 nhà.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
14.6	Kế hoạch thực hiện thí điểm chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với xây dựng nông thôn mới.	Ban hành Kế hoạch thực hiện thí điểm “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm”, gắn với sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2017 (Kế hoạch số 1936/KH-SNN ngày 29/9/2017). Phối hợp UBND các huyện triển khai kế hoạch thực hiện 03 sản phẩm, gồm: Sản phẩm rau an toàn Hồng Thái: Đã giải ngân hỗ trợ kinh phí mua giống, vật tư, phân bón trồng 02 ha cà chua tại thôn Khây Phầy, xã Hồng Thái. Sản phẩm Vịt bầu Minh Hương: Đã phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đang giải ngân hỗ trợ kinh phí mua giống, thức ăn và vacxin phòng bệnh. Sản phẩm tinh bột nghệ cao cấp Tiến Phát: Đã phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; đã trồng, chế biến tinh bột nghệ cao cấp Tiến Phát; đã giải ngân hỗ trợ kinh phí mua giống trồng 06 ha nghệ nguyên liệu.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
15	<b>Phòng Kế hoạch-Tài chính: 02 việc</b>			2	0
15.1	Xây dựng mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí.	Đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Hoàn thành	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
15.2	Kiểm tra thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với sản xuất hàng hóa.	Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết chuyên đề về sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tham gia đoàn giám sát của tỉnh về giám sát thực hiện Nghị quyết chuyên đề về sản xuất nông nghiệp hàng hóa và thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn các huyện, sau giám sát đã tham mưu ban hành kế hoạch chi tiết phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực giai đoạn 2017-2020 và chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện sản xuất nông nghiệp hàng hóa và tái cơ cấu ngành.	Hoàn thành yêu cầu đề ra.	1	
16	<b>Phòng Tổ chức cán bộ: 01 việc</b>			1	0
16.1	Đôn đốc, theo dõi các đơn vị thực hiện rút ngắn quy trình xử lý, giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở cho tổ chức, cá nhân.	Tham mưu thực hiện cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính được 121/137 TTHC (số thủ tục chưa đề nghị cắt giảm, do các thủ tục không quy định rõ thời gian giải quyết). Năm 2017, tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 2.694 hồ sơ. Trong đó: Số hồ sơ giải quyết trước thời hạn là 284 hồ sơ; số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 2.374 hồ sơ; số hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết là 15 hồ sơ; hồ sơ giải quyết quá thời hạn là 03 hồ sơ; hồ sơ đang trong thời gian giải quyết là 18 hồ sơ.	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	
17	<b>Thanh tra Sở: 02 việc</b>			2	0
17.1	Kiểm tra, giám sát việc sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp.	Tham mưu ban hành Kế hoạch số 253/KH-SNN ngày 16/02/2017 về kiểm tra sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Đã tổ chức kiểm tra được 22 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp; qua kiểm tra đã kịp thời chỉ ra những hạn chế, thiếu sót và yêu cầu các cơ sở khắc phục đảm bảo đúng quy định.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
17.2	Thanh tra, kiểm tra kết quả thực hiện hỗ trợ trồng rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng giai đoạn 2011-2015.	Hoàn thành 05 cuộc thanh tra Ban quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng (Yên Sơn, Chiêm Hóa, Sơn Dương và vùng ATK huyện Sơn Dương, Lâm Bình). Kết quả: Thu hồi 14.433.136 đồng nộp ngân sách; kiểm điểm trách nhiệm đối với 01 tập thể và 02 cá nhân có liên quan; yêu cầu các Ban quản lý lập thủ tục thanh lý, thu hồi vốn trả ngân sách nhà nước đối với 18,4 ha rừng trồng sản xuất đã được hỗ trợ nhưng không thành rừng; hoàn thiện hồ sơ xử lý dứt điểm đối với 107,3 ha rừng trồng phòng hộ chất lượng kém không đủ tiêu chuẩn nghiệm thu theo đúng quy định.	Hoàn thành theo kế hoạch.	1	
18	<b>Văn phòng Sở: 01 việc</b>			1	0

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
18.1	Theo dõi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2017 của Sở.	Đã tham mưu văn bản chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện xây dựng 03 văn bản. Đến nay HĐND tỉnh đã ban hành 02 Nghị quyết, còn 01 văn bản đang rình UBND tỉnh.		1	
<b>19</b>	<b>Phòng quản lý xây dựng công trình: 01 việc</b>			<b>1</b>	<b>0</b>
19.1	Tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu, kiểm tra trình tự, thủ tục đầu tư, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc tiến độ thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương bằng cầu kiện kênh bê tông đúc sẵn theo Nghị Quyết số 03/2016/ND-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh.	Tham mưu triển khai, đôn đốc thực hiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương bằng cầu kiện kênh bê tông đúc sẵn, đến 31/12/2017: Đã hoàn thành cung ứng cầu kiện kênh bê tông, thi công 182,359 km, đạt 99,9% KH. Tham mưu tổ chức kiểm tra tại 24 xã, thị trấn trên địa bàn 07 huyện thành phố.	Hoàn thành	1	
<b>III</b>	<b>Nhiệm vụ thực hiện Thông báo số 443-TB/TU ngày 28/3/2017 của Thường trực Tỉnh ủy, theo Kế hoạch số số 892/KH-SNN ngày 08/5/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT. Tổng số 44 việc.</b>			<b>40</b>	<b>4</b>
<b>1</b>	<b>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: 07 việc</b>			<b>6</b>	<b>1</b>
1.1	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án sản xuất mía giống tại các huyện: Chiêm Hóa, Hàm Yên, Yên Sơn.	Hướng dẫn Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương trồng 204 ha/200ha mía giống vụ hè thu (Sơn Dương 30 ha; Chiêm Hóa 86 ha; Hàm Yên 38 ha; Yên Sơn 50 ha). Kết quả: Mía vụ hè sinh trưởng tốt, đủ điều kiện để làm giống cho trồng mía nguyên liệu trồng tháng 01, 02 năm 2018; mía vụ thu nảy mầm đều, mầm khỏe, không sâu bệnh.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
1.2	Tư vấn, hướng dẫn sản xuất chè định hướng hữu cơ tại thôn 3+5 Làng Bát, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên.	Rà soát, lựa chọn diện tích áp dụng, quy mô 2,0 ha/5 hộ; tập huấn sản xuất theo định hướng hữu cơ, hướng dẫn các hộ ủ phân hữu cơ, có bổ sung các chế phẩm EM, Tricroderma, áp dụng quản lý dịch hại theo IPM, quản lý một số đối tượng bằng các biện pháp canh tác, cơ giới... đến nay các vườn chè của mô hình trường phát triển tốt.	Hoàn thành kế hoạch 2017.	1	
1.3	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án trồng mới, trồng lại chè bằng giống chè năng suất cao.	UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trồng mới, trồng lại chè năng suất cao của 03 Công ty cổ phần chè Sông Lô, Mỹ Lâm, Tân Trào với tổng diện tích 1.140 ha, trong đó: trồng mới 273 ha, trồng lại 867 ha. Hướng dẫn Công ty cổ phần chè Sông Lô triển khai thực hiện dự án trồng mới, trồng lại chè năng suất cao năm 2017. Kết quả: Đã nghiệm thu 18 ha; đã trồng chưa nghiệm thu 41ha.	Trồng mới, trồng lại chưa đạt kế hoạch theo lộ trình tái cơ cấu.		1

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
1.4	Tham mưu hướng dẫn quy trình, kỹ thuật đốn tía, trồng dặm, chăm sóc, thu hoạch chè Shan. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, triển khai dự án cải tạo, phát triển và nâng cao năng suất, chất lượng cây chè Shan. Kết nối doanh nghiệp liên kết với người dân phát triển vùng nguyên liệu, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chè Shan.	Sở đã ban hành Hướng dẫn số 2407/HD-SNN ngày 27/11/2017 về Hướng dẫn kỹ thuật cải tạo chè Shan năng suất thấp.	Đã hoàn thành	1	
1.5	Phối hợp thực hiện dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất và tiêu thụ cam theo mô hình chuỗi liên kết giá trị tại huyện Hàm Yên.	Công ty cổ phần cam sành Hàm Yên đang triển khai hoạt động quảng bá, tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Tổ chức đi xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm và ký kết hợp đồng quảng cáo và tiêu thụ sản phẩm cam tại các tỉnh miền Trung và miền Nam. Tổ chức liên kết sản xuất với các hộ nông dân: cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các hộ nông dân.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
1.6	Triển khai mô hình sản xuất cam định hướng hữu cơ tại huyện Hàm Yên.	Lựa chọn có 05 ha/08 hộ tại xã Tân Thành, huyện Hàm Yên có khả năng sản xuất theo định hướng hữu cơ. Phối hợp với hiệp hội Hữu cơ triển khai 01 lớp tập huấn tại hiện trường về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên cây cam với 43 học viên tham gia. Phối hợp với Trung tâm Khảo nghiệm phân bón Quốc gia, Công ty Cổ phần thực phẩm EMI Nhật bản tổ chức xây dựng mô hình trong năm 2018.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
1.7	Phối hợp triển khai thực hiện Dự án sản xuất rau tại các huyện, thành phố.	Phối hợp đề xuất xin chủ trương UBND tỉnh 03 dự án, quy mô 15 ha, gồm: Dự án đầu tư xây dựng khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, quy mô 10 ha tại xã An Khang, huyện Yên Sơn; Dự án đầu tư xây dựng nhà máy trồng rau, quả sạch của Hợp tác xã Thủ công nghiệp Sứ Hùng, quy mô 01 ha tại xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa; Dự án Nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp và dược liệu công nghệ cao, trồng rừng tạo cảnh quan phục vụ du lịch sinh thái tại hồ Cây Hồng, xóm 9 xã Kim Phú; quy mô 4 ha. Phối hợp với huyện Yên Sơn triển khai thực hiện mô hình sản xuất rau quả theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
<b>2</b>	<b>Trung tâm Khuyến nông: 06 việc</b>			<b>6</b>	<b>0</b>
2.1	Thực hiện Dự án “Xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại tỉnh Tuyên Quang năm 2017”.	Phối hợp với Trạm Khuyến nông Yên Sơn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tuyên Bình triển khai XDMH tại các xã Trung Trực, Xuân Vân (Yên Sơn), quy mô 20 hộ/ 42 ha. Cây Keo sinh trưởng tốt. Hiện, cây cao trung bình 1,5 - 1,7 m; Đường kính gốc trung bình đạt 2,5 - 3cm.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	



STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
2.2	Thực hiện mô hình thử nghiệm phân bón Miwon MV-L lồng trên cây keo, bạch đàn.	Phối hợp với Công ty TNHH MiWon Việt Nam đã hỗ trợ 110 tấn phân hữu cơ MV-L dạng lồng cho Công ty lâm nghiệp MTV Tuyên Bình. Tổ chức phun cho 15 ha cây keo, bạch đàn tại các xã: Trung Trực, Xuân Vân, Tân Tiến (Yên Sơn). Hiện nay các loại cây lâm nghiệp được phun phân MV-L dạng lồng sinh trưởng, phát triển tốt.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
2.3	Thực hiện Chương trình phối hợp giữa hệ thống Khuyến nông với Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương kết hợp xây dựng cánh đồng mía lớn.	Phối hợp xây dựng cánh đồng mía lớn tại xã Tân Thịnh huyện Chiêm Hoá, quy mô 11 ha/57 hộ thực hiện, mía sinh trưởng, phát triển tốt. Phối hợp với Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương và Trạm Khuyến nông các huyện, thành phố tiếp tục theo dõi diện tích mía sử dụng phân Grow More. Đến nay đã cung ứng được 44,2 tấn phân Grow More trên cây mía, trong đó 43,2 tấn phân bón gốc, 01 tấn phân bón lá.	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	
2.4	Thực hiện Dự án sản xuất chè an toàn nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên triển khai dự án quy mô 30ha tại xã Mỹ Bằng, Yên Sơn. Tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ thuật cho 150 hộ. Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn các hộ chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại chè. Đã thu hái xong lúa thứ 4, năng suất chè đạt từ 3,5 đến 4 tấn/lúa/ha.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
2.5	Xây dựng, thực hiện mô hình cải tạo đàn trâu địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo để nâng cao chất lượng đàn trâu tại huyện Yên Sơn.	Phối hợp với Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi Thái Nguyên triển khai thực hiện. Đã tổ chức cho 05 kỹ thuật viên của 02 xã đi học kỹ thuật thụ tinh nhân tạo tại tỉnh Thái Nguyên. Kết quả đã phối giống được 45 trâu cái tại 2 xã Trung Sơn, Đạo Viện huyện Yên Sơn.	Hoàn thành kế hoạch đề ra.	1	
2.6	Thực hiện chương trình phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang cho cán bộ Khuyến nông vay vốn thực hiện mô hình hiệu quả.	Phối hợp với Ngân hàng đã giải quyết cho 04 cán bộ Khuyến nông vay 450 triệu đồng để đầu tư phát triển sản xuất. Phối hợp thẩm định 02 hồ sơ xin vay vốn.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
3	<b>Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 07 việc</b>			7	0
3.1	Hướng dẫn các hộ chăn nuôi xây dựng, thực hiện mô hình áp dụng khoa học công nghệ, quản lý hiệu quả chất thải trong chăn nuôi.	Đã xây dựng dự án ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ quản lý hiệu quả chất thải chăn nuôi lợn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, được UBND tỉnh đồng ý đề xuất với Bộ Khoa học Công nghệ xem xét tại Văn bản số 959/UBND-KGVX ngày 11/4/2017 về việc đề nghị hỗ trợ thực hiện Dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi năm 2018 tại tỉnh Tuyên Quang.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
3.2	Triển khai thực hiện hiệu quả công tác tiêm phòng và phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn toàn tỉnh.	Đề xuất kinh phí hỗ trợ vắc xin và tiền công tiêm phòng năm 2017, ngày 29/5/2017 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 535/QĐ-UBND về việc hỗ trợ vắc xin và tiền công tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, triển khai thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch.	Thực hiện theo kế hoạch.	1	
3.3	Tăng cường kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.	Thực hiện Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2017, Kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật, thủy sản năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Chi cục đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn, kết quả đã kiểm tra đánh giá và xếp loại được 606 cơ sở giết mổ, trong đó loại A: không có, loại B 602 cơ sở; loại 04 cơ sở. Đã kiểm tra và cấp chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh Thú y cho 13 cơ sở đủ điều kiện theo quy định.	Hoàn thành việc đánh giá, chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cho các cơ sở có nhu cầu theo các thủ tục hành chính quy định	1	
3.4	Tham mưu đề xuất giải pháp và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện tháo gỡ khó khăn để phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.	Đã tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Văn bản 1156/SNN-CNTY ngày 12/6/2017 về hướng dẫn xây dựng mô hình điểm về chăn nuôi theo chuỗi liên kết; tham mưu cho Sở ban hành văn bản đề nghị UBND các huyện thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn người chăn nuôi, đặc biệt chăn nuôi lợn sử dụng thức ăn sẵn có của địa phương, tăng cường các biện pháp phòng bệnh chủ động để giảm giá thành sản phẩm; hướng dẫn chăn nuôi an toàn dịch bệnh....	Hoàn thành	1	
3.5	Tham mưu triển khai thực hiện Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh Quy định chi tiết nội dung thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020.	UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2017-2020 tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 22/11/2017.	Hoàn thành	1	
3.6	Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; chủ động tham mưu đề xuất trong việc quy hoạch, xây dựng và quản lý các cơ sở giết mổ tập trung, nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh.	Xây dựng Kế hoạch, kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh năm 2017, kết quả đã kiểm tra đánh giá và xếp loại được 606 cơ sở giết mổ, trong đó loại A: không có, loại B 602 cơ sở; loại 04 cơ sở. Đã kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cho 13 cơ sở đủ điều kiện theo quy định.	Hoàn thành	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
3.7	Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp xử lý môi trường trong chăn nuôi đảm bảo đúng quy định.	Đã tổ chức rà soát: 6.390 hộ, cơ sở chăn nuôi, trong đó: Diện tích chuồng nuôi từ 1000m2 trở lên: 23 hộ, cơ sở; diện tích từ 50 đến dưới 1000 m2: 6.367 hộ, cơ sở (có: 5.493 hộ, cơ sở áp dụng biện pháp xử lý chất thải, gồm: 5.293 sử dụng hầm Bioga, 101 sử dụng đệm lót sinh học; 99 sử dụng men). Có 23 hộ có kế hoạch bảo vệ môi trường; 07 cơ sở có báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đã tham mưu cho Sở Ban hành Văn bản số 675/SNN-CNTY ngày 10/4/2017 về tăng cường công tác quản lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi; ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng các quy định bảo vệ môi trường, một số biện pháp xử lý chất thải trong chăn nuôi.	Hoàn thành yêu cầu đề ra.	1	
4	<b>Chi cục Kiểm lâm: 07 việc</b>			7	0
4.1	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 16/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 về việc trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ, hiện nay đang triển khai thực hiện. Đối với chính sách theo Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 16/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ không thực hiện được do không có nguồn vốn đầu tư.	Hoàn thành theo kế hoạch.	1	
4.2	Tham mưu rà soát, tổng hợp, đề xuất việc vay vốn tín dụng ưu đãi để trồng rừng với UBND tỉnh và Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam.	Sau khi họp với các ngành, đơn vị đã tham mưu Sở Văn bản số 1268/SNN-CCKL ngày 28/6/2017, báo cáo UBND tỉnh đề xuất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chính sách tín dụng ưu đãi trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã nhất trí với đề xuất của Sở và giao Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến chỉnh sửa văn bản, báo cáo đề xuất UBND tỉnh (Văn bản số 2446/UBND-NLN ngày 09/8/2017 của UBND tỉnh).	Hoàn thành theo kế hoạch.	1	
4.3	Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ để trường Đại học Tân Trào liên kết, sản xuất cung ứng giống cây lâm nghiệp chất lượng cao (cây keo lai mô) cung ứng cho trồng rừng sản xuất, tăng cường công tác tuyên truyền về cây giống chất lượng cao.	Tham mưu giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang, năm 2017 trong đó có Dự án sản xuất cây giống nuôi cấy mô của trường Đại học Tân Trào; số tiền 4,38 tỷ đồng đã được tỉnh phê duyệt tại QĐ số 605/QĐ-UBND ngày 8/6/2017. Tham mưu phối hợp Trường Đại học Tân Trào tổ chức hội nghị hợp tác sản xuất và cung ứng giống keo lai bằng phương pháp nuôi cấy mô. Kết quả sản xuất được 1.000.000 cây mầm, trong đó 200.000 cây thành phẩm đủ tiêu chuẩn xuất vườn.	Hoàn thành	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
4.4	Tham mưu thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020.	Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao giai đoạn 2018-2021. Phối hợp thúc đẩy hoạt động hỗ trợ cấp chứng chỉ FSC, trong năm cấp chứng chỉ thêm được 515ha, nâng diện tích đã cấp toàn tỉnh lên 16.478,5ha. Tăng cường quản lý chất lượng giống cây trồng: Cấp chứng nhận nguồn gốc giống cho 8,2 triệu cây giống, trong đó cây vô tính chiếm 67%.	Thực hiện theo Kế hoạch	1	
4.5	Tham mưu triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 20/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.	Tham mưu xây dựng Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 20/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy.	Hoàn thành	1	
4.6	Phối hợp với ngành Tài nguyên Môi trường và các địa phương quản lý chặt chẽ diện tích đất lâm nghiệp, không để lấn chiếm, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích; quản lý chặt chẽ việc chuyển đổi đất rừng phòng hộ, rừng nghèo kiệt sang rừng sản xuất, tránh để lợi dụng khai thác lâm sản trái phép.	Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm phối hợp chính quyền địa phương kiểm tra, rà soát, thống kê diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích. Tăng cường công tác quản lý đất lâm nghiệp, tuyên truyền vận động người dân không phá rừng trái phép để làm nương rẫy, lấn chiếm, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích. Tiếp tục thực hiện công tác giao rừng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất gắn với giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Thực hiện theo Kế hoạch	1	
4.7	Rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ đủ tiêu chuẩn, có trách nhiệm làm công tác quản lý các hạt kiểm lâm, trạm, đội tuần rừng; nâng cao kỷ luật, trách nhiệm thực thi công vụ của lực lượng kiểm lâm.	Xây dựng Đề án bố trí các trạm Kiểm lâm, chốt bảo vệ rừng và lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ rừng; quy chế đánh giá thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao và phân loại công chức; Quy chế thực hiện điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc Chi cục Kiểm lâm.	Thực hiện theo Kế hoạch	1	
<b>5</b>	<b>Chi cục Thủy sản: 02 việc</b>			<b>1</b>	<b>1</b>
5.1	Tham mưu các giải pháp thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về sản lượng thủy sản năm 2017.	Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện phát triển cá đặc sản nuôi bằng lồng trên sông, hồ; nuôi cá ao hồ theo tiêu chuẩn VietGAP.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
5.2	Tham mưu hướng dẫn thực hiện giải quyết vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận trang trại đối với trang trại nuôi thủy sản.	Đơn vị đã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, đề xuất giải quyết.	Tiếp tục phối hợp thực hiện.		1
<b>6</b>	<b>Chi cục Thủy lợi: 02 việc</b>			<b>2</b>	<b>0</b>

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
6.1	Lựa chọn xã làm mẫu và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, thành phố lựa chọn 07 xã điểm để thực hiện Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh, cụ thể: xã Yên Hoa, Na Hang; xã Thiện Kế, Sơn Dương; xã Thái Long, thành phố Tuyên Quang; xã Kim Phú, Sơn Sơn; xã Phù Lừ, Hàm Yên; xã Khuôn Hà, Lâm Bình; xã Xuân Quang, Chiêm Hóa. Đã hoàn thành lấp 2,77km/2,77km, đạt 100%.	Hoàn thành kế hoạch.	1	
6.2	Tăng cường công tác phối hợp để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức của cộng đồng trong việc bảo vệ, quản lý, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả. Huy động nguồn lực xây dựng các công trình thủy lợi, nhất là một số tuyến đê xung yếu, kè bờ sông, công trình thủy lợi đầu mối...; khai thác các công trình thủy lợi gắn với phát triển thủy sản, du lịch.	Đơn vị đã phối hợp thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các quy định hiện hành của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực thủy lợi đến các tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua các lớp tập huấn do đơn vị tổ chức (Năm 2017, đơn vị đã phối hợp với Vụ Quản lý đê điều và Vụ Thanh tra pháp chế thuộc Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ quản lý đê điều và tuyên truyền các chính sách có liên quan cho 50 cán bộ có liên quan). Phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 quy định tổ chức hoạt động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.	Hoàn thành kế hoạch	1	
7	<b>Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 03 việc</b>			2	1
7.1	Tham mưu bàn giao quản lý khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 21/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn vị quản lý, sử dụng và khai thác các công trình nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tham mưu cho Sở ban hành Văn bản số 2078/SNN-TTN ngày 17/10/2017 về việc đôn đốc bàn giao các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 2215/SNN-TTN ngày 03/11/2017 về việc đôn đốc xử lý các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung không hoạt động, không có khả năng cải tạo sửa chữa trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã thực hiện bàn giao theo Thông tư 54 đối với 62/372 công trình trên địa bàn tỉnh.	Tiến độ thực hiện chậm so với yêu cầu.		1

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
7.2	Triển khai đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn thuộc Chương trình mở rộng vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả thuộc vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB).	Tham mưu UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020; Tham mưu cho UBND tỉnh ký hợp đồng vay lại để triển khai thực hiện Chương trình. Triển khai thực hiện Hợp phần cấp nước nông thôn thuộc Chương trình: Tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát thiết kế 08 cụm công trình; Lựa chọn nhà thầu thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng 02 cụm công trình; Lựa chọn nhà thầu khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng 01 cụm công trình; Trình thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng 01 cụm công trình; Chuẩn bị đầu tư 18 cụm công trình của năm 2018.	Triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt.	1	
7.3	Tăng cường kiểm tra, quản lý việc khai thác, sử dụng các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung ở nông thôn để phát huy tốt hiệu quả của công trình.	Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản yêu cầu các huyện, thành phố thực hiện báo cáo về công trình theo Thông tư 54 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 35 của Thủ tướng chính phủ; đã xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao năng lực cho ban quản lý công trình cấp nước trong năm 2017, đã kiểm tra được 02 công trình, qua kiểm tra, đơn vị hướng dẫn và hỗ trợ Ban quản lý các công trình khắc phục những tồn tại trong quá trình quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả cho công tác quản lý công trình.	Hoàn thành theo kế hoạch	1	
8	<b>Chi cục Phát triển nông thôn: 05 việc</b>			5	0
8.1	Tham mưu rà soát, đánh giá các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn để kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.	Đã hoàn thành báo cáo gửi Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 2338/BC-SNN ngày 17/11/2017.	Hoàn thành	1	
8.2	Tham mưu tổ chức các điểm kinh doanh nông sản, cung cấp sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ở các thành phố lớn, cả thành phố Tuyên Quang và trung tâm các huyện trong tỉnh.	Kết nối tiêu thụ các sản phẩm: Cam sành Hàm Yên, cá Lăng, Mật ong Tuyên Quang, tinh bột nghệ Tiến Phát, miến dong Hợp Thành tại Cửa hàng thực phẩm sạch An Nguyên, KĐT Tây nam Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Kết nối Công ty TNHH Lâm sản và Dịch vụ Long Giang tham gia bán hàng tại Trung tâm trung bày, giới thiệu và phân phối nông sản thực phẩm an toàn, số 489 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội. Tư vấn Công ty TNHH Trường Chính Kiệt mở điểm phân phối nông sản tại 44 Phạm Văn Đồng, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp Tuyên Quang tại Hà Nội (đợt 1 từ ngày 22 đến 28/5/2017, đợt 2 từ 17/11/2017 đến 20/11/2017).	Thực hiện theo kế hoạch.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
8.3	Tham mưu giải pháp giữ vững thương hiệu các sản phẩm hiện có, xây dựng thương hiệu sản phẩm mang tầm Quốc gia và khu vực, nhất là các sản phẩm chủ lực của tỉnh.	+ 02 sản phẩm: chè Bát tiên Mỹ Bằng, mật ong Tuyên Quang được “Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2017”. + 02 sản phẩm: Cá Lăng, chè đặc sản Vĩnh Tân được bình chọn danh hiệu “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2017”.	Hoàn thành	1	
8.4	Hướng dẫn xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chè Shan; xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với cam sành Hàm Yên.	Tư vấn, hướng dẫn HTX Đồng Tiến, xã Thổ Bình, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm chè Shan Khau Mút; phối hợp xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm Cam Sành Hàm Yên.	Thực hiện theo kế hoạch	1	
8.5	Phối hợp với UBND huyện Hàm Yên tham mưu xây dựng kế hoạch Hội chợ cam sành Hàm Yên năm 2017 với quy mô cấp tỉnh.	Đã hoàn thành tổ chức Hội chợ theo Kế hoạch số 106/KH-SNN ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh về Tổ chức Hội chợ cam sành Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang lần thứ II.	Hoàn thành kế hoạch	1	
<b>9</b>	<b>Văn phòng Sở: 01 việc</b>			<i>1</i>	<i>0</i>
	Tham mưu thực hiện củng cố và nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của Sở.	Tham mưu xây dựng Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 đối với một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp và PTNT tích hợp trên Trang thông tin điện tử Sở; đã đưa vào thử nghiệm trong tháng 7/2017. Tiến hành khảo sát quy trình thực hiện dịch vụ hành chính công tại Sở và xây dựng hoàn chỉnh phần mềm Một cửa điện tử, cung cấp 19 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 01 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Trang Thông tin điện tử Sở; đã đưa vào thử nghiệm sử dụng từ tháng 9/2017.	Đạt mục tiêu đề ra.	1	
<b>10</b>	<b>Phòng Tổ chức cán bộ: 02 việc</b>			<i>1</i>	<i>1</i>
10.1	Theo dõi, đôn đốc thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, thực hiện quy trình, thủ tục hành chính nhanh chóng, thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch.	Triển khai thực hiện Kế hoạch số 730/KH-SNN ngày 14/4/2017 về thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Sở năm 2017, định hướng đến năm 2020. Hiện nay, số thủ tục hành chính đang thực hiện tại Sở là 25/137 TTHC; 25 TTHC đều được cắt giảm 30% thời gian giải quyết cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp theo quy định. Hoàn thành xây dựng hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đưa vào áp dụng từ tháng 9/2017.	Hoàn thành yêu cầu đề ra.	1	

STT	Nội dung công việc/đơn vị thực hiện	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả thực hiện	Hoàn thành	Chậm, không hoàn thành
10.2	Tham mưu rà soát bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ của ngành đảm bảo phù hợp để nâng cao trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Tham mưu bổ nhiệm lại đối với 05 công chức, viên chức giữ chức vụ trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở; bổ nhiệm đối 07 công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, phó phòng nghiệp vụ và tương đương thuộc các đơn vị thuộc Sở; cho ý kiến điều động và bổ nhiệm đối với 07 công chức giữ chức vụ Trưởng, phó phòng nghiệp vụ và tương đương thuộc Chi cục kiểm lâm. Tham mưu giao phụ trách các đơn vị: Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Kiểm lâm, Trung tâm Nước sạch và VSMTNT. Tham mưu hoàn thiện đề án vị trí việc làm của các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT. Tham mưu Quyết định kiện toàn thành viên, chức vụ Giám đốc, phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án phát triển lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang.	Thực hiện còn chậm so với yêu cầu.		1
11	<b>Phòng Kế hoạch-Tài chính: 01 việc</b>			1	0
	Tham mưu thực hiện việc theo dõi tiến độ đầu tư doanh nghiệp nông nghiệp, đề xuất công tác phối hợp với các ngành về giải quyết tháo gỡ khó khăn (nếu có) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Qua theo dõi, toàn tỉnh hiện có 15 dự án của các doanh nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, đang triển khai thực hiện đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.	Hoàn thành	1	
12	<b>Phòng quản lý xây dựng công trình: 01 việc</b>			1	0
	Phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Đôn đốc các đơn vị trực thuộc tập trung thi công các công trình được giao làm chủ đầu tư.	Sở được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn 102,316 tỷ đồng, đã giải ngân 96,083 tỷ đồng, đạt 93,908% kế hoạch. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT làm chủ đầu tư 08 dự án, trong đó; 01 dự án đã dừng thi công từ năm 2015 do không có vốn, 01 dự án chưa triển khai do không được bố trí vốn, 06 dự án đang thực hiện, đảm bảo tiến độ đề ra. Tham mưu thành lập 03 tổ kiểm tra 26 xã, thị trấn trên địa bàn 07 huyện thành phố về kết quả thực hiện kế hoạch kiên cố hóa kênh mương; sau kiểm tra đã tham mưu cho Sở văn bản đề nghị UBND các huyện, thành phố sửa chữa, hoàn thiện hồ sơ năm 2016 và khẩn trương hoàn thành 100% kế hoạch kiên cố kênh mương năm 2017 đảm bảo đúng quy định.	Thực hiện theo kế hoạch đề ra.	1	



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số: 71/BC-SNN, ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện hoặc sản phẩm
1	Số 204/UBND-TH	25/1/2017	Về thực hiện kế hoạch ngân sách năm 2017 của Dự án VIE/035	Xây dựng kế hoạch	Các đơn vị thực hiện chuỗi giá trị	Đã hoàn thành
2	Kế hoạch số 104/KH-UBND	30/12/2016	Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng NMT tỉnh Tuyên Quang năm 2017	Ban hành quy định về một số chỉ tiêu, tiêu chí xã NMT tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020	Chi cục PTNT	Đã hoàn thành (Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)
				Kế hoạch, nhu cầu vốn để thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM đối với 07 xã mục tiêu đạt chuẩn năm 2017		Đã tham mưu ban hành Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 8/5/2017 của UBND tỉnh
3	12/TB-UBND	20/02/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 01,02 năm 2017	Hoàn chỉnh Dự thảo Quyết định "Một số tiêu chí, tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020"	Chi cục PTNT	Đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh
4	208/UBND-NLN	03/02/2017	Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính Phủ tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành NN và PTNT	Triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 16/TB-VPCP ngày 13/01/2017	Phòng KH-TC	Đã triển khai các nội dung trong chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện năm 2017
5	404/UBND-NLN	21/02/2017	Về thực hiện văn bản số 935/BNN-TCLN Ngày 25/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT	Triển khai chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp năm 2017	Chi cục Kiểm Lâm	Đã xây dựng Kế hoạch trình UBND tỉnh
6	425/UBND-NLN	22/02/2017	Về đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa	Chủ trì, phối hợp với các sở liên quan xem xét đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa tại văn bản số 07/AHP-NLG ngày 10/01/2017	Chi cục Kiểm Lâm	Đã hoàn thành
7	Số 101/KH-UBND	Ngày 26/12/2016	Về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Kiểm soát chặt chẽ hoạt động cung ứng giống, vật nuôi trên địa bàn ....	Chi cục Chăn nuôi thú y	Đã tham mưu thực hiện

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện hoặc sản phẩm
8	854/UBND-NLN	31/3/2017	V/v kiểm tra, xử lý thông tin đăng trên báo điện tử	Phối hợp kiểm tra, làm rõ các nội dung do Báo Môi trường và Cuộc sống điện tử đưa tin; báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh	Chi cục Chăn nuôi thú y	Đã hoàn thành tại báo cáo số 660/BC-SNN ngày 04/4/2017
9	219/QDD-UBND	21/03/2017	Cử cán bộ công tác tại Xiêng Khoảng....	Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án trồng thử nghiệm một số giống chè mới có năng suất cao tại tỉnh Xiêng Khoảng	Chi cục Trồng trọt BVTV	Báo cáo số 01/BC-SNN ngày 7/4/2017 , Báo cáo kết quả làm việc đoàn công tác tại Xiêng Khoảng
10	20/TB-UBND	23/03/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 03 năm 2017	Lựa chọn xã làm mẫu thực hiện NQ 03/2016/NQ-HĐND;	CC Thủy Lợi	Đã hoàn thành
				Thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ trồng rừng; Tăng cường công tác QLBV rừng trồng; Thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng mía; tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện DA thuộc lĩnh vực nông nghiệp	Các chi cục: Kiểm lâm, Trồng trọt và BVTV; Phòng KHTC	Đã hoàn thành
11	Số 796/UBND-NLN	Ngày 28/3/2017	Về việc thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía niên vụ 2016-2017	Phối hợp với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và UBND các huyện, thành phố thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản này	CC Trồng trọt và BVTV	- Đã Ban hành Hướng dẫn số 580/HD-SNN-ĐSD ngày 27/3/2017 Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch mía. -Phối hợp với Công ty CP mía đường Sơn tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017 bàn giải pháp thực hiện niên vụ 2017-2018
12	949/UBND-NLN	04/10/2017	Về thực hiện thông báo số 179/TB-VPCP ngày 4/4/2017 của Văn phòng Chính phủ	Báo cáo về công tác triển khai thực hiện Thông báo số 179/TB-VPCP ngày 04/4/2017 của Văn phòng Chính phủ và về tình hình sử dụng, phân bổ vốn; kiện toàn đầu mối báo cáo	KHTC	Đã hoàn thành
13	26/KH-UBND	Ngày 10/4/2017	Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV	Xây dựng Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV	CC Trồng trọt và BVTV	UBND tỉnh đã phê duyệt tại QĐ 366/QĐ-UBND ngày 25/10/2017
14	1077/UBND-NLN	19/04/2017	V/v Tăng cường công tác tuyên truyền xử lý rác thải và xác gia súc, gia cầm trong chăn nuôi	Hướng dẫn chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường	CC chăn nuôi và Thú y	Đã phối hợp tổ chức thực hiện và ban hành Văn bản số 675/SNN-CNTY tăng cường công tác quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện hoặc sản phẩm
15	26/KH-UBND	10/04/2017	V/v kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	Hướng dẫn, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho khu chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, khu giết mổ chế biến tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, ATTP.	CC chăn nuôi và Thú y	Đã triển khai thực hiện và ban hành văn bản số 112/CNTY-QLG ngày 8/5/2017 về việc triển khai thực hiện kế hoạch số 26/KHG-UBND của UBND tỉnh
16	344/UBND-NLN	16/03/2017	Về việc các Thông tư của Bộ tài chính	Đề xuất UBND tỉnh thực hiện giá dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT	Chi cục Thủy lợi	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017
17	3065/UBND-NLN	02/11/2016	V/v thực hiện Thông báo số 288-TB/TU ngày 06/10/2016 của Tỉnh ủy Tuyên Quang	Nghiên cứu tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản	Chi cục QLCL NLTS	Đã có báo cáo số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016 đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản.
	31/UBND-NLN	06/01/2017	Về đề nghị của Sở NN&PTNT tại văn bản số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016	Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản	Chi cục QLCL NLTS	Báo cáo số 1578/BC-SNN ngày 10/8/2017 về việc kết quả rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ xây dựng dự thảo đề nghị ban hành chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.
18	1186/UBND-NLN	26/4/2017	v/v xây dựng phương án trồng cây xanh hành lang đường giao thông	Hướng dẫn UBND các huyện thành phố lập phương án trồng cây xanh hành lang ven lộ	Kiểm Lâm	Đã hoàn thành
19	03/2017/QĐ-UBND	10/04/2017	Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ	Tham mưu triển khai một số nội dung quy định tại khoản 1 điều 3 Quyết định 03/2017/QĐ-UBND	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Tờ trình số 802/TTr-SNN ngày 24/4/2017, (kèm theo Dự thảo Đề án thực hiện QĐ 03/2017/QĐ-UBND)
						Văn bản số 962/SNN-CNTY ngày 16/5/2017 về việc xin ý kiến góp ý Dự thảo hướng dẫn thực hiện Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh
20	1307/UBND-NLN	09/05/2017	V/v Một số giải pháp ổn định phát triển chăn nuôi và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thịt lợn	Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp kỹ thuật về giống, TĂCN, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng để phát triển chăn nuôi gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm...	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Đã hướng dẫn các huyện tại văn bản số 906/SNN-CNTY ngày 9/5/2017

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện hoặc sản phẩm
21	38/TB-UBND	Ngày 26/5/2017	Thông báo kết luận cuộc họp về đánh giá tiến độ thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện các nội dung tại thông báo 150/TB-CPCP ngày 21/3/2017	Phòng KH-TC	Đã xây dựng kế hoạch số 892/KH-SNN ngày 08/5/2017 giao nhiệm vụ cho các đơn vị chuyên môn thực hiện và báo cáo số 1126/SNN-KH ngày 7/6/2017 về việc báo cáo tiến độ thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh.
22	1931/UBND-NLN	27/06/2017	Về việc phòng chống dịch cúm gia cầm tại huyện Hàm Yên	Phối hợp với UBND huyện Hàm Yên trong việc phòng chống dịch cúm gia cầm trên địa xã Minh Dân và toàn huyện theo quy định hiện hành của nhà nước	CC chăn nuôi và Thú y	Đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch và tổng hợp báo cáo số 162/BC-CNTY ngày 03/7/2017
23	1908/UBND - NLN	30/06/2017	Xây dựng phương án mỗi xã một sản phẩm	Xây dựng đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh, theo nội dung văn bản số 4914/BNN-VPĐP của Bộ NN và PTNT	Chi cục PTNT	Đã phối hợp với các huyện, thành phố lựa chọn và ban hành Kế hoạch số 1936/KH-SNN ngày 29/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT
24	2033/UBND-TL	04/07/2017	Chỉ đạo khắc phục công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Trào huyện Sơn Dương	Phối hợp với UBND xã Tân Trào kiểm tra xác định các hư hỏng của công trình; thực hiện khắc phục sửa chữa công trình và bàn giao công trình cho đơn vị quản lý.	Trung tâm nước sạch vệ sinh MT nông thôn	Đã phối hợp tổ chức kiểm tra các công trình
25	Số 1688/UBND-NLN	04/7/2017	Về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Nguyên và môi trường, UBND huyện, thành phố tham gia góp ý kiến vào dự thảo Thông tư hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Văn bản tham gia ý kiến số 1178/SNN-BVTV ngày 14/6/2017
26	Số 1689/UBND-NLN	06/07/2017	Về việc tổ chức hội nghị đánh giá tình hình phát triển sản xuất, tiêu thụ chè	Tổ chức hội nghị đánh giá tình hình phát triển sản xuất, tiêu thụ chè trên địa bàn toàn tỉnh	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Tổ chức hội nghị ngày 29/6/2017
27	2369/UBND-TH	02/08/2017	Giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ III, Quốc hội khóa XIV	Xem xét kiểm tra thực tế các ý kiến kiến nghị của cử tri để tham mưu đề xuất giải quyết, đồng thời trả lời ý kiến cử tri theo quy định	Chi cục Thủy lợi; Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	Văn bản số 1627/SNN-TTN và văn bản số 1628/SNN-TTN ngày 16/8/2017 về việc trả lời ý kiến kiến nghị của cử tri xã Đức Ninh Hàm Yên và xã Tam Đa huyện Sơn Dương

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Đơn vị chủ trì thực hiện	Kết quả thực hiện hoặc sản phẩm
28	2655/UBND-NLN	28/08/2017	Về việc chuẩn bị nội dung tổ chức Lễ thả cá giống phóng sinh tái tạo nguồn lợi thủy sản	Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Chi cục Thủy sản	Xây dựng kế hoạch thả cá phóng sinh tái tạo nguồn lợi thủy sản năm 2017 và giai đoạn từ 2017-2020; Đã tổ chức thả 9.800 con cá đặc sản và 1,2 tấn cá truyền thống
29	3295/UBND-NLN	18/10/2017	Về việc sử dụng thuốc khử trùng phục vụ tháng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường đợt 2 năm 2017	Cấp phát, sử dụng thuốc khử trùng phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa tỉnh năm 2017	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Đã ban hành Kế hoạch số 2133/KH-SNN ngày 23/10/2017, Kế hoạch cấp phát, sử dụng thuốc khử trùng phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa tỉnh năm 2017, kết quả cụ thể: Thuốc khử trùng đã sử dụng: 12.354 lit; vôi bột 132.613 kg; số hộ chăn nuôi đã vệ sinh tiêu độc khử trùng 135.875 hộ/141 xã phường, thị trấn
30	89/KH-UBND	28/10/2017	Kế hoạch triển khai thực hiện Biên bản hợp tác giữa Tỉnh ủy- Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tỉnh ủy- Chính quyền tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, giai đoạn 2016-2020	Triển khai thực hiện Kế hoạch hợp tác giữa Tỉnh ủy- Hội đồng nhân dân-Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tỉnh ủy- Chính quyền tỉnh Xiêng Khoảng, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, giai đoạn 2016-2020	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Đã xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện dự án hỗ trợ ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo, chế biến, bảo quản thức ăn trong chăn nuôi bò tại tỉnh Xiêng Khoảng. □
31	417/QĐ-UBND	22/11/2017	Quyết định phê duyệt Đề án thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2010	Xây dựng và ban hành Hướng dẫn cụ thể về cơ chế tài chính, thanh quyết toán và hướng dẫn các định mức tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương làm cơ sở cho việc chọn mua đực giống (trâu, bò lợn) và gà, vịt giống bố, mẹ, hậu bị trong quá trình thực hiện Đề án	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Đã hoàn thiện và ban hành hướng dẫn về trình tự thủ tục thanh toán.
32	3784/UBND-NLN	30/11/2017	Về việc thực hiện thông báo số 9649/TB-BNN-VP ngày 17/11/2017	Triển khai một số hoạt động tại Khu di tích Quốc gia Bộ Canh Nông, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Chi cục Chăn nuôi và thú y	Đã tham mưu ban hành Văn bản số 2544/SNN-CNTY ngày 12/12/2017 về việc thông báo giá bán bò giống gửi đến đơn vị cung ứng

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN NĂM 2017 - KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số: 71/BC-SNN ngày 07/3/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017									Tổng số	NĂM 2018							SO SÁNH			
				Kế hoạch	Kết quả thực hiện năm 2017									Giao chi tiết các huyện, thành phố							TH 2017 so với thực hiện 2016	TH 2017 so với KH 2017	KH 2018 so với TH 2017	
					Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố						Sơn Dương		Yên Sơn	TP. Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
						Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang									Lâm Bình				
<b>NÔNG, LÂM NGHIỆP THỦY SẢN</b>																								
1	Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản (Theo giá so sánh năm gốc 2010)	tỷ đồng	7.431,7	7.733,7	7.734,2								8.054,1								104,1	100,0	104,1	
a	Nông nghiệp	tỷ đồng	6.201,00	6.463,4	6.520,5								6.757,2								105,2	100,9	103,6	
	- Trồng trọt	tỷ đồng	3.866,3	4.027,9	3.994,4								4.159,6								103,3	99,2	104,1	
	- Chăn nuôi	tỷ đồng	2.234,7	2.333,5	2.427,5								2.476,5								108,6	104,0	102,0	
	- Dịch vụ	tỷ đồng	100,0	102,0	98,6								121,0								98,6	96,7	122,7	
b	Lâm nghiệp	tỷ đồng	1.014,6	1.050,0	996,0								1.058,4								98,2	94,9	106,3	
c	Thủy sản	tỷ đồng	216,0	220,3	217,6								238,6								100,7	98,8	109,6	
2	Tổng giá trị sản xuất (Tính theo giá hiện hành)	tỷ đồng	11.072,3	11.384,1	11.282,6								12.012,2								101,9	99,1	106,5	
a	Nông nghiệp	tỷ đồng	9.453,1	9.649,9	9.498,4								9.999,5								100,5	98,4	105,3	
	- Trồng trọt	tỷ đồng	5.519,9	5.689,1	5.923,2								5.828,9								107,3	104,1	98,4	
	- Chăn nuôi	tỷ đồng	3.806,3	3.825,0	3.450,0								4.008,3								90,6	90,2	116,2	
	- Dịch vụ	tỷ đồng	126,9	135,7	125,2								162,3								98,7	92,2	129,7	
b	Lâm nghiệp	tỷ đồng	1.292,8	1.395,2	1.438,4								1.615,6								111,3	103,1	112,3	
c	Thủy sản	tỷ đồng	326,4	339,0	345,8								397,0								106,0	102,0	114,8	
<b>SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT</b>		<b>Tấn</b>	346.286	336.627	339.257	85.586	74.700	17.304	53.115	72.261	18.533	17.758	335.351	85.373	73.951	16.542	53.497	70.219	18.548	17.222	98,0	100,8	98,8	
	Trong đó: - Thóc	Tấn	264.214	264.037	262.879	67.999	61.368	12.957	40.705	54.651	11.858	13.342	260.154	66.675	60.331	12.932	39.809	55.655	11.629	13.124	99,5	99,6	99,0	
	- Ngô	Tấn	82.072	72.590	76.378	17.588	13.332	4.347	12.410	17.610	6.675	4.416	75.197	18.698	13.620	3.610	13.688	14.565	6.920	4.098	93,1	105,2	98,5	
<b>A TRỒNG TRỌT</b>																								
<b>1 Cây hàng năm</b>																								
1.1	Lúa nước cả năm: Diện tích	ha	45.128	44.193	45.165	11.487	10.507	2.289	6.832	9.433	2.156	2.461	43.840	11.070	9.870	2.210	6.740	9.430	2.110	2.410	100,1	102,2	97,1	
	Năng suất	ta/ha	58,5	59,7	58,2	59,2	58,4	56,6	59,6	57,9	55,0	54,2	59,3	60,2	61,1	58,5	59,1	59,0	55,1	54,5	99,4	97,4	102,0	
	Sản lượng	tấn	264.214,2	264.037	262.879	67.999	61.368	12.957	40.705	54.651	11.858	13.342	260.154	66.675	60.331	12.932	39.809	55.655	11.629	13.124	99,5	99,6	99,0	
a	Lúa lai	ha	21.653	23.730	21.191	5.313	6.311	756	2.700	4.763	695	653	19.970	4.900	6.000	750	2.700	4.250	710	660	97,9	89,3	94,2	
	Năng suất	ta/ha	63,3	63,7	62,8	64,8	62,8	63,5	62,7	61,5	59,8	58,3	64,3	65,6	65,3	65,2	62,8	63,6	60,1	59,9	99,2	98,5	102,5	
	Sản lượng	tấn	136.106,4	151.231	133.011	34.429	39.626	4.797	16.921	29.276	4.157	3.805	128.419	32.164	39.150	4.890	16.943	27.048	4.270	3.955	97,7	88,0	96,5	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017										Tổng số	NĂM 2018							SO SÁNH			
				Kế hoạch	Kết quả thực hiện năm 2017										Sơn Dương	Yên Sơn	TP. Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình	TH 2017 so với thực hiện 2016	TH 2017 so với KH 2017	KH 2018 so với TH 2017	
					Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố																			
						Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình													
b	Lúa thuần	ha	23.475	20.463	23.974	6.174	4.196	1.533	4.132	4.669	1.462	1.808	23.870	6.170	3.870	1.460	4.040	5.180	1.400	1.750	102,1	117,2	99,6		
	Năng suất	tạ/ha	54,6	55,1	54,2	54,4	51,8	53,2	57,6	54,3	52,7	52,7	55,2	55,9	54,7	55,1	56,6	55,2	52,6	52,4	99,3	98,3	101,9		
	Sản lượng	tấn	128.108	112.806	129.869	33.569	21.742	8.160	23.784	25.375	7.701	9.537	131.735	34.511	21.181	8.042	22.866	28.607	7.359	9.169	101,4	115,1	101,4		
1.2	Vụ xuân: Diện tích	ha	19.994	19.026	19.840	5.174	4.713	1.009	3.289	3.952	693	1.010	18.780	4.800	4.260	960	3.200	3.950	650	960	99,2	104,3	94,7		
	Năng suất	tạ/ha	59,89	60,9	59,7	60,4	60,8	59,1	59,0	59,9	54,9	55,8	60,4	61,6	62,4	59,1	59,3	59,8	55,2	56,9	99,6	97,9	101,3		
	Sản lượng	tấn	119.739,5	115.915	118.357	31.260	28.631	5.968	19.396	23.665	3.803	5.633	113.472	29.580	26.580	5.677	18.976	23.602	3.591	5.466	98,8	102,1	95,9		
a	Lúa lai	ha	10.803,2	11.930	10.650	2.820	3.206	353	1.347	2.501	79	344	9.850	2.700	3.000	350	1.350	2.000	100	350	98,6	89,3	92,5		
	Năng suất	tạ/ha	63,5	64,1	63,8	65,3	64,0	66,3	62,5	62,8	60,9	59,0	64,7	66,0	65,5	66,0	63,0	63,8	61,0	60,3	100,5	99,4	101,5		
	Sản lượng	tấn	68.581,2	76.530	67.938	18.430	20.527	2.342	8.424	15.704	480	2.031	63.766	17.820	19.650	2.310	8.505	12.760	610	2.111	99,1	88,8	93,9		
b	Lúa thuần	ha	9.190,9	7.096	9.191	2.354	1.507	656	1.942	1.451	614	666	8.930	2.100	1.260	610	1.850	1.950	550	610	100,0	129,5	97,2		
	Năng suất	tạ/ha	55,7	55,5	54,9	54,5	53,8	55,2	56,5	54,9	54,1	54,1	55,7	56,0	55,0	55,2	56,6	55,6	54,2	55,0	98,6	98,8	101,5		
	Sản lượng	tấn	51.158,4	39.385	50.419,3	12.830	8.104	3.627	10.972	7.961	3.323	3.602	49.706	11.760	6.930	3.367	10.471	10.842	2.981	3.355	98,6	98,8	101,5		
1.1	Vụ mùa: Diện tích	ha	25.133,6	25.167	25.324,3	6.312	5.794	1.280	3.543	5.481	1.463	1.451	25.060	6.270	5.610	1.250	3.540	5.480	1.460	1.450	100,8	100,6	99,0		
	Năng suất	tạ/ha	57,5	58,9	57,07	58,2	56,5	54,6	60,1	56,5	55,1	53,1	58,5	59,2	60,2	58,0	58,9	58,5	55,1	52,8	99,3	97,0	102,6		
	Sản lượng	tấn	144.474,7	148.122	144.522	36.738	32.737	6.988	21.308	30.986	8.055	7.709	146.682	37.095	33.751	7.255	20.833	32.053	8.038	7.659	100,0	97,6	101,5		
a	Lúa lai	ha	10.849,5	11.800	10.541,26	2.492,9	3.105	403	1.353	2.263	616	308	10.120	2.200	3.000	400	1.350	2.250	610	310	97,2	89,3	96,0		
	Năng suất	tạ/ha	62,2	63,3	61,7	64,18	61,5	60,9	62,8	59,98	59,7	57,5	63,9	65,2	65,0	64,5	62,5	63,5	60,0	59,5	99,2	97,5	103,5		
	Sản lượng	tấn	67.525,3	74.701	65.072,86	15.999	19.098,5	2.454,99	8.496,84	13.572,3	3.677,04	1.773,96	64.654	14.344	19.500	2.580	8.438	14.288	3.660	1.845	96,4	87,1	99,4		
b	Lúa thuần	ha	14.284,0	13.367	14.783	3.819	2.689	877	2.190	3.218	847	1.143	14.940	4.070	2.610	850	2.190	3.230	850	1.140	103,5	110,6	101,1		
	Năng suất	tạ/ha	53,87	54,9	53,7	54,3	50,7	51,7	58,5	54,1	51,7	52,0	54,9	55,9	54,6	55,0	56,6	55,0	51,5	51,0	99,8	97,8	102,2		
	Sản lượng	tấn	76.949,4	73.421	79.449	20.739	13.639	4.533	12.812	17.414	4.378	5.935	82.029	22.751	14.251	4.675	12.395	17.765	4.378	5.814	103,2	108,2	103,2		
1.2	Ngô cả năm	ha	18.822,0	15.475	17.377	3.874	3.017	879	2.567	4.263	1.635	1.141	15.901	3.800	2.850	730	2.786	3.110	1.655	970	92,3	112,3	91,5		
	Năng suất	tạ/ha	43,6	46,9	44,0	45,4	44,2	49,5	48,3	41,3	40,8	38,7	47,3	49,2	47,8	49,4	49,1	46,8	41,8	42,2	100,8	93,7	107,6		
	Sản lượng	tấn	82.072	72.590	76.378	17.588	13.332	4.347	12.410	17.610	6.675	4.416	75.197	18.698	13.620	3.610	13.688	14.565	6.920	4.098	93,1	105,2	98,5		
a	Vụ xuân	ha	7.687,2	7.445	7.632	1.656	1.522	422	1.144	1.173	1.169	546	7.480	1.650	1.500	400	1.140	1.100	1.160	530	99,3	102,5	98,0		
	Năng suất	tạ/ha	44,4	47,6	45,0	45,2	46,0	50,4	49,5	42,2	41,0	42,5	47,9	50,0	49,0	50,5	51,0	47,0	42,0	44,0	101,4	94,5	106,4		
	Sản lượng	tấn	34.131	35.452	34.350	7.486	7.002	2.131	5.663	4.950	4.799	2.319	35.808	8.250	7.350	2.020	5.814	5.170	4.872	2.332	100,6	96,9	104,2		
	Trong đó: trên ruộng 1 vụ	ha	2.124,2	2.679	2.368	567	486	80	248	323	432	232	2.420	570	500	100	250	330	430	240	111,5	88,4	102,2		
b	Vụ hè thu	ha	4.329,0	3.830	4.171	916	743	210	692	1.001	422	188	3.870	850	600	110	710	960	450	190	96,4	108,9	92,8		
	Năng suất	tạ/ha	44,87	46,8	44,9	46,1	41,9	50,1	51,0	43,2	41,0	40,7	47,3	49,5	47,0	50,5	50,0	47,0	41,5	41,5	100,1	96,0	105,3		
	Sản lượng	tấn	19.426,0	17.914	18.734	4.225	3.108	1.051	3.528	4.328	1.732	763	18.301	4.208	2.820	556	3.550	4.512	1.868	789	96,4	104,6	97,7		

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017									Tổng số	NĂM 2018							SO SÁNH					
				Kế hoạch	Kết quả thực hiện năm 2017											Giao chi tiết các huyện, thành phố							TH 2017 so với thực hiện 2016	TH 2017 so với KH 2017	KH 2018 so với TH 2017	
					Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố									Sơn Dương	Yên Sơn	TP. Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
						Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình														
c	Vụ đông	ha	6.805,9	4.200	5.574	1.302	753	246	732	2.089	44	408	4.551	1.300	750	220	936	1.050	45	250	81,9	132,7	81,7			
	Năng suất	tạ/ha	41,9	45,8	41,8	45,1	42,8	47,3	44,0	39,9	32,6	32,7	46,3	48,0	46,0	47,0	46,2	46,5	40,0	39,1	99,7	91,3	110,9			
	Sản lượng	tấn	28.514,5	19.224	23.294	5.877	3.222	1.165	3.220	8.332	144	1.334	21.088	6.240	3.450	1.034	4.324	4.883	180	978	81,7	121,2	90,5			
	Trong đó: Trên ruộng 2 vụ	ha	5.111,8	2.590	2.590	650	300	70	520	970	45	35	2.675	650	300	70	520	1.050	45	40	50,7	100,0	103,3			
1.3	Cây đậu tương: Diện tích	ha	860,6	940	710,4	48	192	1	64	100	302	4	710	50	220		70	70	300		82,5	75,6	99,9			
	Năng suất	tạ/ha	18,4	20,0	18,6	18,8	18,6	17,9	17,6	17,7	19,2	14,0	20,0	21,3	20,0		19,8	19,5	20,0		101,3	92,8	107,6			
	Sản lượng	tấn	1.580,0	1.884	1.322	89	356	2	112	177	580	5	1.422	107	440		139	137	600		83,6	70,1	107,6			
a	Vụ xuân	ha	239,4	290	199,45	31	106	0,80	36	24,85	0,90		200	30	100		35	35			83,3	68,8	100,3			
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	114,0	194	125	31	72		9	13											109,3	64,2	-			
b	Vụ hè thu	ha	488,3	500	457	17	85,76	0,52	26	26	301		510	20	120		35	35	300		93,5	91,3	111,7			
c	Vụ đông	ha	132,9	150	54				2	49		4									40,9	36,2	-			
	Trong đó: Trên ruộng 2 vụ	ha	132,9	150	150				50	100											112,9	100,0	-			
1.4	Lạc cả năm: Diện tích	ha	4.317,0	4.201	4.294	514	244	49	291	2.673	78	446	4.224	450	255	49	290	2.660	60	460	99,5	102,2	98,4			
	Năng suất	tạ/ha	27,2	29,4	28,5	21,6	19,6	20,0	20,4	32,3	19,1	26,2	29,5	23,0	22,0	23,1	23,0	32,4	20,0	29,2	104,7	96,7	103,6			
	Sản lượng	tấn	11.731,3	12.368	12.228	1.108	478	97	593	8.635	148	1.169	12.458	1.035	561	113	667	8.618	120	1.343	104,2	98,9	101,9			
a	Vụ xuân	ha	3.215,6	3.162	3.236	457	184	37	221	1.932	32	374	3.207	450	180	37	220	1.900	30	390	100,6	102,4	99,1			
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	1.856,1	1.970	1.862	315	131	26	64	1.131	19	177	2.004,0	450	175	37	111	1.056	60	115	100,3	94,5	107,6			
b	Vụ hè thu	ha	1.101,9	1.039	1.058	56	60	11	70	741	46	73	1.017		75	12	70	760	30	70	96,0	101,8	96,2			
1.5	Khoai lang: Diện tích	ha	3.013,0	2.860	3.124	645	1.604	33	175	490	59	118	2.810	550	1.180	20	365	495	70	130	103,7	109,2	89,9			
	Năng suất	tạ/ha	61,6	66,0	62,4	67,2	66,0	63,3	59,5	50,4	49,4	48,0	66,1	70,0	66,0	69,5	65,0	64,0	57,0	66,5	101,3	94,6	105,9			
	Sản lượng	tấn	18.565,0	18.878	19.499	4.331	10.588	209	1.042	2.468	293	568	18.583	3.850	7.790	139	2.373	3.168	399	865	105,0	103,3	95,3			
a	Vụ xuân	ha	386,2	460	420	111	184	17	18	34	29	29	410	100	180	20	15	35	30	30	108,8	91,3	97,6			
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	152,4	365	199	86	83			1		29	365	100	180	20			35	30	130,6	54,5	183,3			
b	Vụ hè thu	ha	56		188	138	18	2	9		14	8														
b	Vụ đông	ha	2.570	2.400	2.515	397	1.402	14	149	456	16	82	2.400	450	1.000	-	350	460	40	100	97,9	104,8	95,4			
	Trong đó: Trên ruộng 2 vụ	ha	2.570	2.400	2.400	450	1.000	-	350	460	40	100	2.400	450	1.000		350	460	40	100	93,4	100,0	100,0			
2	Cây công nghiệp																									
2.1	Cây mía vùng nguyên liệu	ha	11.225,0	12.283	10.381	3.591	1.743	241	970	3.662	83	91	10.386	3.700	1.500	290	932	3.780	93	91	92,5	84,5	100,1			
	- Diện tích trồng mới	ha	991,0	1.153	864	332	150	18	125	217	7	15	1.016	400	130	86	200	200			87,2	74,9	117,6			
	- Diện tích trồng lại	ha	1.178,0	1.673	1.428	579	202	49	96	488	2	11	1.593	600	200	50	110	600	13	20	121,2	85,3	111,6			



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017									Tổng số	NĂM 2018							SO SÁNH			
				Kế hoạch	Kết quả thực hiện năm 2017									Giao chi tiết các huyện, thành phố							TH 2017 so với thực hiện 2016	TH 2017 so với KH 2017	KH 2018 so với TH 2017	
					Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố						Sơn Dương		Yên Sơn	TP. Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
						Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang									Lâm Bình				
	- Diện tích lưu gốc	ha		8.089	2.680	1.391	174	750	2.957	73	65	7.777	2.700	1.170	154	622	2.980	80	71			96,1		
	<b>- Diện tích thu hoạch</b>	<b>ha</b>	<b>11.225,0</b>	<b>12.283</b>	<b>10.381</b>	<b>3.591</b>	<b>1.743</b>	<b>241</b>	<b>970</b>	<b>3.662</b>	<b>83</b>	<b>91</b>	<b>10.386</b>	<b>3.700</b>	<b>1.500</b>	<b>290</b>	<b>932</b>	<b>3.780</b>	<b>93</b>	<b>91</b>	<b>92,5</b>	<b>84,5</b>	<b>100,1</b>	
	Năng suất	ta/ha	609,8	667,4	619,8	528,2	665,9	546,8	650,0	691,0	485,4	476,0	696,1	660,0	700,0	700,0	710,0	730,0	610,0	620,0	101,6	92,9	112,3	
	Sản lượng	tấn	684.514,0	819.780	643.354	189.677	116.046	13.165	63.081	253.023	4.037	4.325	722.927	244.200	105.000	20.300	66.172	275.940	5.673	5.642	94,0	78,5	112,4	
<b>2.2</b>	<b>Cây chè</b>																							
	<b>Diện tích chè hiện có</b>	<b>ha</b>	<b>8.885,0</b>	<b>8.726</b>	<b>8.735,5</b>	<b>1.737,8</b>	<b>2.872,6</b>	<b>378,3</b>	<b>2.198,9</b>	<b>64,9</b>	<b>1.233,0</b>	<b>250,0</b>	<b>8.535</b>	<b>1.575</b>	<b>2.745</b>	<b>400</b>	<b>2.141</b>	<b>64</b>	<b>1.361</b>	<b>249</b>	<b>98,3</b>	<b>100,1</b>	<b>97,7</b>	
	- Diện tích chè cho sản phẩm	ha	8.328,0	8.210	8.183	1.681	2.736	378	1.969	45	1.184	190	8.081	1.485	2.597	400	1.978	64	1.309	249	98,3	99,7	98,8	
	- Năng suất	ta/ha	79,0	80	80,4	86,4	95,8	88,0	82,5	56,2	35,2	55,1	80,2	90,0	93,0	90,0	87,0	63,0	43,0	47,0	101,7	100,7	99,8	
	- Sản lượng (búp tươi)	tấn	65.819,0	65.559	65.777,2	14.520	26.215	3.328	16.246	251	4.168	1.048	64.806	12.623	24.149	3.626	17.206	403	5.629	1.170	99,9	100,3	98,5	
<b>3</b>	<b>Cây ăn quả chủ yếu</b>	<b>ha</b>	<b>10.751,2</b>	<b>8.520</b>	<b>12.298</b>	<b>513</b>	<b>2.886</b>	<b>218</b>	<b>7.548</b>	<b>1.004</b>	<b>78</b>	<b>52</b>	<b>11.111</b>	<b>645</b>	<b>2.123</b>	<b>160</b>	<b>7.349</b>	<b>757</b>	<b>30</b>	<b>48</b>	<b>114,4</b>	<b>144,3</b>	<b>90,3</b>	
a	Cây cam	ha	7.810,0	6.096	8.331	1,52	420,46	37,65	7.158,60	630,60	59,18	22,50	7.832	1	166	33	7.029	571	16	17	106,7	136,7	94,0	
	Trong đó: Trồng mới, trồng lại	ha	499,2	704	0,96	254,44	8,36	308,98	75,07	43,00	13,00	15					15				141,0		2,1	
b	Cây quýt	ha	120,5	95	154	41	1	74	26	2	9	120		32	1	68	8	2	9	128,1	161,8	78,1		
	Trong đó: Trồng mới	ha		34	9	10	14	0																
c	Cây nhãn	ha	1.006,5	1.035	988	350	369	40	32	185	5	6	1.006	465	368	43	33	84	5	8	98,2	95,5	101,9	
	Trong đó: Trồng mới	ha		16,86	6,80	1,21	8,50	0,35																
d	Cây vải	ha	491,4	525	447	140	187	12	69	22	7	10	489	166	187	13	76	34	5	10	90,9	85,1	109,5	
	Trong đó: Trồng mới	ha		7,31	2,00	0,80	1,00	1,05	2,46															
e	Cây bưởi	ha	1.322,9	769	2.379	22	1.868	127	213	140	4	4	1.663	13	1.370	70	143	61	2	4	179,8	309,4	69,9	
<b>II</b>	<b>CHĂN NUÔI, THỦY SẢN</b>																							
1	Tổng đàn trâu	con	113.722,0	115.996	110.646	20.975	18.845	2.693	15.549	29.289	14.173	9.122	116.700	21.820	20.200	2.770	15.660	31.110	15.600	9.540	97,3	95,4	105,5	
2	Tổng đàn bò	con	30.240,0	31.752	33.456	11.946	9.253	1.634	3.547	1.709	3.635	1.732	32.843	11.818	9.200	1.500	3.355	1.580	3.710	1.680	110,6	105,4	98,2	
	Trong đó: đàn bò sữa	con	3.106,0	3.212	3.182	1.115	2.067						3.285	1.085	2.200						102,4	99,1	103,2	
3	Tổng đàn lợn	con	595.730,0	631.477	584.336	164.468	128.117	21.852	75.224	132.950	36.440	25.285	562.800	135.000	134.000	21.400	74.600	135.400	38.700	23.700	98,1	92,5	96,3	
4	Tổng đàn gia cầm	1000 con	5.406,1	5.768	5.768,51	1.332	1.723,7	280,65	849,73	1.259,7	201,06	121,29	5.899	1.253	1.820	290	820	1.365	220	131	106,7	100,0	102,3	
5	Thịt hơi các loại	tấn	62.772,0	62.995	66.632	15.803	13.922	3.511	12.330	16.208	3.118	1.742	61.544	12.752	13.579	3.019	12.224	15.560	2.897	1.513	106,1	105,8	92,4	
6	Sản lượng sữa tươi	tấn	12.995,0	14.000	14.755	5.486	9.269						14.000	5.500	8.500						113,5	105,4	94,9	
7	Diện tích nuôi thả cá	ha	11.282,80	11.288	11.288	819	605	180	558	996	4.560	3.569	11.288	819	605	180	558	996	4.560	3.569	100,0	100,0	100,0	
	Trong đó: Diện tích nuôi thả trên hồ thủy điện	ha	8.447	8.447	8.447				447	4.500	3.500	8.447					447	4.500	3.500		100,0			
8	Sản lượng thủy sản	tấn	6.864,6	7.497,5	7.254	1.491	2.010	674	1.168	772	655	485	7.543	1.736	1.772	610	1.285	1.061	672	407	105,7	96,7	104,0	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017										Tổng số	NĂM 2018							SO SÁNH			
				Kế hoạch	Kết quả thực hiện năm 2017										Giao chi tiết các huyện, thành phố							TH 2017 so với thực hiện 2016	TH 2017 so với KH 2017	KH 2018 so với TH 2017	
					Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố						Sơn Dương	Yên Sơn		TP. Tuyên Quang	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình						
						Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang									Lâm Bình					
	+ Sản lượng nuôi trồng	tấn	6.087,6	6.776	6.442	1.447	2.002	661	1.150	739	335	108	6.843	1.711	1.772	599	1.275	1.019	342	124	105,8	95,1	106,2		
	+ Sản lượng khai thác	tấn	777,0	722	812	44	7	13	17	33	320	377	700	25		11	10	42	329	283	104,5	112,4	86,2		
<b>III</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>																								
<b>1</b>	<b>Trồng rừng</b>	<b>ha</b>	<b>10.938</b>	<b>11.750</b>	<b>12.442,9</b>	<b>2.307,3</b>	<b>3.470,9</b>	<b>156,6</b>	<b>2.675,9</b>	<b>2.397,3</b>	<b>738,5</b>	<b>696,5</b>	<b>11.500</b>	<b>2.025</b>	<b>3.230</b>	<b>155</b>	<b>2.670</b>	<b>2.020</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>113,8</b>	<b>105,9</b>	<b>92,4</b>		
	<i>Trồng rừng tập trung</i>	<i>ha</i>	<i>10.537,2</i>	<i>11.400</i>	<i>12.049,1</i>	<i>2.282</i>	<i>3.391</i>	<i>151</i>	<i>2.600</i>	<i>2.311</i>	<i>689</i>	<i>625</i>	<i>11.150</i>	<i>2.000</i>	<i>3.150</i>	<i>150</i>	<i>2.600</i>	<i>1.950</i>	<i>650</i>	<i>650</i>	<i>114,3</i>	<i>105,7</i>	<i>92,5</i>		
	- Rừng sản xuất	ha	10.276	11.150	11.808,2	2.282	3.290	151	2.600	2.311	649	525	11.150	2.000	3.150	150	2.600	1.950	650	650	114,9	105,9	94,4		
	Trong đó: + Doanh nghiệp	ha	1.912	2.340	2.255,5	389,3	355,0	97,3	913,9	500,0	-	-	2.230	300	455	70	905	500			118,0	96,4	98,9		
	+ Hộ gia đình cá nhân	ha	8.364	8.810	9.552,7	1.893	2.935	54	1.686	1.811	649	525	8.920	1.700	2.695	80	1.695	1.450	650	650	114,2	108,4	93,4		
	- Rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	260,7	250	240,9	-	101	-	-	-	40	100									92,4	96,4	-		
<b>1.</b>	<i>Trồng cây phân tán quy diện tích</i>	<i>ha</i>	<i>400,6</i>	<i>350</i>	<i>393,8</i>	<i>25,0</i>	<i>79,5</i>	<i>5,5</i>	<i>75,8</i>	<i>86,5</i>	<i>50,0</i>	<i>71,5</i>	<i>350</i>	<i>25</i>	<i>80</i>	<i>5</i>	<i>70</i>	<i>70</i>	<i>50</i>	<i>50</i>	<i>98,3</i>	<i>112,5</i>	<i>88,9</i>		
<b>2</b>	<b>Bảo vệ rừng</b>	<b>ha</b>	<b>418.335</b>	<b>417.204</b>	<b>415.552</b>	<b>40.777</b>	<b>75.661</b>	<b>3.887</b>	<b>60.395</b>	<b>97.753</b>	<b>71.184</b>	<b>65.895</b>	<b>413.957</b>	<b>40.177</b>	<b>75.266</b>	<b>3.842</b>	<b>59.615</b>	<b>97.718</b>	<b>71.239</b>	<b>66.100</b>	<b>99,3</b>	<b>99,6</b>	<b>99,6</b>		
	- Bảo vệ rừng tự nhiên	ha	233.273	233.273	233.273	12.940	19.401	706	19.131	62.692	59.521	58.881	233.273	12.940	19.401	706	19.131	62.692	59.521	58.881	100,0	100,0	100,0		
	- Bảo vệ rừng trồng	ha	185.061	183.931	182.278	27.837	56.260	3.180	41.263	35.061	11.663	7.014	180.683	27.237	55.865	3.135	40.483	35.026	11.718	7.219	98,5	99,1	99,1		
<b>3</b>	<b>Khai thác</b>																								
	- Diện tích khai thác	ha	7.659	9.750	7.619,8	1.897,6	2.840,8	118,2	684,7	1.551,2	210,5	316,8	9.100	1.700,0	2.600,0	150,0	2.600,0	1.400,0	400,0	250,0	99,5	78,2	119,4		
	- Sản lượng	m3	779.372	844.200	808.110	146.374	261.008	18.374	218.261	129.800	12.816	21.479	814.000	153.000	256.000	21.400	214.500	115.600	33.000	20.500	103,7	95,7	100,7		
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	143.926	164.850	115.376	31.240	25.893	6.414	24.330	27.500			158.058	25.000	27.000	6.000	75.058	25.000			80,2	70,0	137,0		
	+ Hộ gia đình cá nhân	m3	635.447	679.350	692.735	115.134	235.115	11.961	193.931	102.300	12.816	21.479	655.942	128.000	#####	15.400	#####	90.600	33.000	20.500	109,0	102,0	94,7		
	Trẻ nửa NLG	Tấn	26.212,9	22.100	26.037,9	-	8.525	3.953	-	8.000	-	5.560	22.100	100	8.000	100	900	8.000	2.000	3.000	99,3	117,8	84,9		
<b>4</b>	<b>Độ che phủ của rừng</b>	<b>%</b>	<b>&gt;60</b>	<b>&gt;60</b>	<b>64,7</b>								<b>&gt;60</b>												
<b>IV</b>	<b>HỖ TRỢ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 03/2016/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH</b>																								
	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng	km	45	182,5	182,36	43,01	37,11	7,95	22,18	35,85	13,22	23,05	275	66	73	12	40	53	16	15	403	100	150,8		
<b>V</b>	<b>PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>																								
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	78,5	82,5	82,5	69,2	84,7	94,9	82,8	88,9	89,5	94,3	86,5	72,6	88,8	99,5	86,8	93,2	93,8	98,8		100,0			
	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	tiêu chí	11,1	12	12,4	12,5	12,5	15,5	12,5	11,8	11,5	11,5	13,1	13,0	13,0	16,7	13,4	12,9	12,5	12,5	111,4	103,0	106,2		
	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	12,40	17,8	17,8	12,5	16,7	50,0	17,6	16,0	18,2	25,0	22,5	15,6	20,0	66,7	23,5	19,2	18,2	37,5		100,0			